

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
1	162524114	Lê Hữu	Ái	K16QNH1	02/06/1992	Quảng Trị	6.6	Sáu phẩy Sáu	
2	1826718589	Nguyễn Huỳnh	An	D18DLKB	17/08/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
3	1826217496	Nguyễn Lê Hoài	An	D18QTHB2	11/07/1991	Đà Nẵng	7.2	Bảy phẩy Hai	
4	171216210	Nguyễn Thành	An	K17XCD	14/01/1993	T.T Hu ế	6.1	Sáu phẩy Một	
5	1826217644	Nguyễn Thị Minh	An	D18QTHB4	20/10/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
6	171576569	Trần Thị Thúy	An	K17PSU-QC	25/01/1993	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
7	1826217581	Trương Nguyễn Diệu	An	D18QTHB5	22/02/1990	Đà Nẵng	4.3	Bốn phẩy Ba	
8	1826247871	Đào Thị Quỳnh	Anh	D18QNHB1	15/10/1991	Đà Nẵng	8.9	Tám phẩy Chín	
9	1826247758	Đinh Thị Trâm	Anh	D18QNHB1	15/06/1990	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
10	162314520	Hoàng	Anh	K16KKT	03/03/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
11	1826247772	Hoàng Lê Văn	Anh	D18QNHB1	28/10/1991	Hừa Thiên Hu	7.6	Bảy phẩy Sáu	
12	1826247866	Hồ Thị	Anh	D18QNHB2	20/06/1988	Quảng Trị	5.8	Năm phẩy Tám	
13	1826268375	Hồ Thị Ngọc	Anh	D18KDNB	04/02/1990	Quảng Bình	7	Bảy	
14	1826718584	Lê Thị Kim	Anh	D18DLKB	01/11/1988	Quảng Nam	7	Bảy	
15	1826258071	Ngô Quỳnh	Anh	D18KKTB	03/03/1989	Đà Nẵng	8.4	Tám phẩy Bốn	
16	1826257956	Ngô Thị Tâm	Anh	D18KKTB	21/10/1991	Đà Nẵng	9.4	Chín phẩy Bốn	
17	1826268156	Nguyễn Diệu	Anh	D18KDNB	06/09/1991	Đà Nẵng	9.1	Chín phẩy Một	
18	161325228	Nguyễn Duyên	Anh	K16KCD	15/02/1992	Đà Nẵng	7.4	Bảy phẩy Bốn	
19	1827718605	Nguyễn Nguyên	Anh	D18DLKB	15/11/1991	Quảng Nam	9.1	Chín phẩy Một	
20	1827217606	Nguyễn Thế	Anh	D18QTHB1	30/12/1991	Đà Nẵng	9.2	Chín phẩy Hai	
21	1826217666	Nguyễn Thị Lan	Anh	D18QTHB3	11/08/1991	Quảng Trị	6.8	Sáu phẩy Tám	
22	152324318	Nguyễn Thị Lan	Anh	K15KDN	15/03/1991	Quảng Bình	6	Sáu	
23	1826268444	Nguyễn Thị Lan	Anh	D18KKTB	01/11/1991	Quảng Bình	9	Chín	
24	1826268377	Nguyễn Thị Mai	Anh	D18KDNB	10/08/1991	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
25	1826268212	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	D18KDNB	10/07/1991	Quảng Nam	8.8	Tám phẩy Tám	
26	1826258051	Nguyễn Thị Ph ương	Anh	D18KKTB	03/01/1991	Quảng Bình	7.3	Bảy phẩy Ba	
27	179414793	Phạm Quốc	Anh	D17DLKB	12/09/1990	Đà Nẵng	3	Ba	
28	1826217543	Phạm Thị Kim	Anh	D18QTHB2	27/03/1990	Đà Nẵng	7.9	Bảy phẩy Chín	
29	1826268201	Trần Thị Quỳnh	Anh	D18KDNB	07/05/1991	Đà Nẵng	7.1	Bảy phẩy Một	
30	151135131	Võ Thị Tâm	Anh	K15TCD	03/05/1991	Quảng Nam	V	Vắng	
31	171446669	Võ Thị Trâm	Anh	K17PSU-DCD	22/12/1993	Đà Nẵng	5.9	Năm phẩy Chín	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
32	1826247859	Lê Thị Ngọc	Ánh	D18QNHB3	01/02/1990	Quảng Ngãi	6.6	Sáu phẩy Sáu	
33	1826247776	Nguyễn Ngọc	Ánh	D18QNHB2	12/12/1990	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
34	151214547	Bùi Tá	Ân	K16XCD	17/11/1991	Quảng Ngãi	5.5	Năm phẩy Năm	
35	1826217538	Huỳnh Thị Xuân	Ba	D18QTHB3	01/01/1991	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
36	1827217691	Đặng Quang	Bảo	D18QTHB4	25/12/1990		5.5	Năm phẩy Năm	
37	151214624	Nguyễn Văn	Bảo	K15XCD	04/08/1990	Huế	1.8	Một phẩy Tám	
38	171216214	Thái Duy	Bảo	K17XCD	25/09/1993	DakLak	8.4	Tám phẩy Bốn	
39	1827217562	Trần Thái	Bảo	D18QTHB4	07/01/1991	Bình Định	5.5	Năm phẩy Năm	
40	151214615	Huỳnh Văn	Bảy	K15XCD	20/11/1990	Bình Định	2.3	Hai phẩy Ba	
41	162333697	Lê Văn	Bằng	K16QNH2	08/03/1992	Quảng Bình	6.4	Sáu phẩy Bốn	
42	1826268496	Phan Thị	Bé	D18KDNB	30/08/1991	Quảng Trị	7.9	Bảy phẩy Chín	
43	1826268105	Lê Thị Kim	Bích	D18KDNB	13/08/1989	Đà Nẵng	8.6	Tám phẩy Sáu	
44	1826268220	Lê Thị Thúy	Bích	D18KDNB	29/05/1991	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
45	1826247761	Mai Thị	Bích	D18QNHB3	01/05/1991	Huế	V	Vắng	
46	1826268128	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	D18KDNB	08/04/1991	Đà Nẵng	7.6	Bảy phẩy Sáu	
47	1826247783	Phan Tôn Nữ Ngọc	Bích	D18QNHB2	26/07/1989	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
48	171216215	Võ Văn	Biên	K17XCD	24/12/1993	Đà Nẵng	6.6	Sáu phẩy Sáu	
49	1826268345	Mai Thị Thanh	Bình	D18KDNB	14/05/1987	Quảng Bình	9.6	Chín phẩy Sáu	
50	171446672	Nguyễn Thái	Bình	K17PSU-DCD	28/08/1993	Đà Nẵng	3.8	Ba phẩy Tám	
51	151216089	Nguyễn Văn	Bình	K15XCD	01/07/1991	Quảng Nam	2.8	Hai phẩy Tám	
52	171216216	Võ Văn	Bình	K17XCD	26/05/1993	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
53	151215900	Nguyễn Minh	Cầm	K15XCD	01/01/1986	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
54	1827217529	Đình Minh	Công	D18QTHB1	19/02/1989	Quảng Nam	2.6	Hai phẩy Sáu	
55	151216132	Đoàn Chí	Công	K15XCD	12/01/1990	Quảng Bình	6.6	Sáu phẩy Sáu	
56	171216226	Nguyễn Văn	Công	K17XCD	18/01/1993	Nghệ An	3.3	Ba phẩy Ba	
57	1826247867	Trần Kim	Công	D18QNHB1	02/07/1990	Đà Nẵng	8.6	Tám phẩy Sáu	
58	171216227	Đoàn Tấn	Cường	K17XCD	09/01/1993	Quảng Nam	2	Hai	
59	162524147	Nguyễn Hùng	Cường	K16QNH3	13/05/1992	Hà Tĩnh	7.5	Bảy phẩy Năm	
60	1827217478	Nguyễn Hùng	Cường	D18QTHB3	27/11/1990	Đà Nẵng	6	Sáu	
61	1827257984	Nguyễn Quốc	Cường	D18KKTB	20/04/1991	Quảng Bình	8	Tám	
62	1827268109	Trần Mạnh	Cường	D18KDNB	01/02/1991	Quảng Bình	6.8	Sáu phẩy Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
63	1827217703	Trương Minh	Cường	D18QTHB2	09/09/1990		6.8	Sáu phẩy Tám	
64	1826258025	Trần Ngọc Mỹ	Chánh	D18KKTB	04/03/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
65	179333751	Bùi Minh	Châu	D17QTHB2	22/12/1988	Đà Nẵng	3.3	Ba phẩy Ba	
66	1826268084	Hoàng Lê Bảo	Châu	D18KDNB	12/07/1990	Đà Nẵng	8.6	Tám phẩy Sáu	
67	1826268246	Huỳnh Thị Minh	Châu	D18KDNB	01/02/1989	Đà Nẵng	5.9	Năm phẩy Chín	
68	171326748	Lê Đức	Châu	K17PSU-KCI	15/01/1993	Đà Nẵng	5.7	Năm phẩy Bảy	
69	1826217673	Mai Thị Minh	Châu	D18QTHB5	26/03/1991	Quảng Trị	5.9	Năm phẩy Chín	
70	171446673	Nguyễn Bảo	Châu	K17PSU-DCD	24/05/1993	Đà Nẵng	7.4	Bảy phẩy Bốn	
71	1826247869	Nguyễn Hồ Ngọc	Châu	D18QNHB2	01/05/1988	Đà Nẵng	7	Bảy	
72	1826268254	Nguyễn Quỳnh	Châu	D18KDNB	14/09/1991	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
73	1826217654	Trương Thị Hồng	Châu	D18QTHB4	02/03/1991	Quảng Ngãi	5.5	Năm phẩy Năm	
74	1826268301	Châu Thị Ngọc	Chi	D18KDNB	27/01/1989	Quảng Nam	7.1	Bảy phẩy Một	
75	1826268236	Lê Thị Linh	Chi	D18KDNB	05/07/1990	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
76	1826258053	Nguyễn Hồ Yến	Chi	D18KKTB	26/12/1991	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
77	1827718608	Nguyễn Bá	Chiến	D18DLKB	28/11/1991	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
78	1826268535	Hồ Thị	Chiện	D18KDNB	08/08/1991	Quảng Bình	7.8	Bảy phẩy Tám	
79	1827217676	Nguyễn Văn	Chính	D18QTHB4	29/04/1991	Quảng Nam	3.8	Ba phẩy Tám	
80	1826268100	Hoàng Thị Thanh	Chung	D18KDNB	27/01/1988	Quảng Trị	5.5	Năm phẩy Năm	
81	1826247787	Huỳnh Thanh	Chung	D18QNHB3	02/09/1991	Đắk Lắk	7.5	Bảy phẩy Năm	
82	1827217510	Lê Xuân	Chung	D18QTHB3	24/04/1988	Thanh Hóa	4.2	Bốn phẩy Hai	
83	1826217512	Nguyễn Thị	Chung	D18QTHB4	20/08/1990	Đắk Lắk	7.9	Bảy phẩy Chín	
84	162524143	Phạm Đình	Chức	K16QNH2	16/01/1992	Quảng Nam	6.4	Sáu phẩy Bốn	
85	1827217724	Quách Đăng	Danh	D18QTHB5	12/09/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
86	1826718576	Đặng Thị	Diễm	D18DLKB	30/11/1990	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
87	1826268182	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	D18KDNB	14/11/1991	Bình Định	5.5	Năm phẩy Năm	
88	1826217505	Trần Thị Bích	Diễm	D18QTHB3	11/10/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
89	171219013	Từ Đạo	Diễn	K17XCD	15/10/1993	Hà Tĩnh	8.1	Tám phẩy Một	
90	1826217540	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	D18QTHB1	13/01/1990	Đà Nẵng	8.9	Tám phẩy Chín	
91	1826718591	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	D18DLKB	18/04/1991	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
92	1826217586	Trần Thị Ngọc	Diệp	D18QTHB5	03/10/1991	Đà Nẵng	9.7	Chín phẩy Bảy	
93	1826247890	Hồ Thị Xuân	Diệu	D18QNHB3	06/12/1991		6.3	Sáu phẩy Ba	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
94	1826217629	Đào Lan	Dung	D18QTHB4	28/08/1991	Đà Nẵng	4.2	Bốn phẩy Hai	
95	1826268142	Lê	Dung	D18KDNB	23/10/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
96	1826257910	Lý Mỹ	Dung	D18KKT B	11/02/1990	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
97	1826247855	Nguyễn Thị Phương	Dung	D18QNHB3	05/03/1991	Gia Lai	9	Chín	
98	1826257963	Nguyễn Thị Tuyết	Dung	D18KKT B	08/10/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
99	179523786	Nguyễn Thị Thanh	Dung	D17QNHB1	19/05/1990	Đà Nẵng	3.4	Ba phẩy Bốn	
100	1826268485	Nguyễn Thị Thu	Dung	D18KDNB	20/10/1990	Quảng Bình	6.1	Sáu phẩy Một	
101	179323912	Nguyễn Thị Thùy	Dung	D18KDNB	07/11/1989	Đồng Nai	4.5	Bốn phẩy Năm	
102	1827268436	Nguyễn Trung	Dung	D18KDNB	05/12/1989	Quảng Trị	5.5	Năm phẩy Năm	
103	1826268195	Phạm Phương	Dung	D18KDNB	11/11/1991	Gia Lai	3.3	Ba phẩy Ba	
104	1826217537	Trần Thị Ly	Dung	D18QTHB1	01/01/1991	Quảng Nam	4.9	Bốn phẩy Chín	
105	1826268405	Vy Thị Thùy	Dung	D18KDNB	20/10/1990	Quảng Ngãi	7	Bảy	
106	161216789	Đặng Quốc	Dũng	K16XCD	23/07/1992	Quảng Trị	1.9	Một phẩy Chín	
107	1827268226	Trần	Dũng	D18KDNB	28/10/1989	Quảng Bình	7.8	Bảy phẩy Tám	
108	161215108	Ngô Hoàng	Duy	K16XCD	11/09/1992	Phú Yên	2.6	Hai phẩy Sáu	
109	1827217678	Trần Ngọc	Duy	D18QTHB5	03/04/1987	Quảng Bình	4.5	Bốn phẩy Năm	
110	1826268454	Đinh Nguyễn Thanh	Duyên	D18KDNB	21/06/1990	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
111	1826268401	Lê Thị	Duyên	D18KDNB	15/01/1991	Quảng Bình	8.5	Tám phẩy Năm	
112	171326753	Phạm Thùy	Dương	K17PSU-KCI	08/10/1993	Đà Nẵng	7.6	Bảy phẩy Sáu	
113	1826257960	Thái Thị Thùy	Dương	D18KKT B	01/09/1990	Quảng Trị	6.4	Sáu phẩy Bốn	
114	1826268240	Trần Thị Ánh	Dương	D18KDNB	28/08/1991	Bình Định	6.1	Sáu phẩy Một	
115	151135113	Trần Trịnh Hà	Dương	K15TCD	29/08/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
116	1826268411	Trương Thị Hoàng	Dương	D18KDNB	10/11/1990	Đà Nẵng	7.6	Bảy phẩy Sáu	
117	1826257908	Võ Vũ Thùy	Dương	D18KKT B	24/07/1990	Quảng Nam	6	Sáu	
118	1827217515	Vũ Đại	Dương	D18QTHB5	01/02/1990	Đắk Lắk	4.9	Bốn phẩy Chín	
119	1827217657	Đoàn Văn	Đào	D18QTHB3	05/09/1989	Quảng Nam	1.4	Một phẩy Bốn	
120	1826268140	Hoàng Thị	Đào	D18KDNB	07/03/1991	Quảng Bình	7.9	Bảy phẩy Chín	
121	1826268362	Lê Thị	Đào	D18KDNB	13/09/1991	Quảng Bình	9	Chín	
122	1826268261	Lê Thị Hồng	Đào	D18KDNB	12/02/1991	Quảng Bình	8.1	Tám phẩy Một	
123	1826268192	Nguyễn Thị Anh	Đào	D18KDNB	06/04/1991	Quảng Bình	8.4	Tám phẩy Bốn	
124	171216235	Phan Công	Đạt	K17XCD	10/01/1993	Quảng Nam	9.1	Chín phẩy Một	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
125	169332516	Nguyễn Cao	Đảng	D16QTHB1	20/11/1987	Quảng Nam	1.3	Một phẩy Ba	
126	171576578	Trương Trung	Đông	K17PSU-QC	03/05/1993	Quảng Trị	5.5	Năm phẩy Năm	
127	161325269	Nguyễn Thành	Đông	K17PSU-KC	12/01/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
128	171216241	Bùi Anh	Đức	K17XCD	01/06/1993	Quảng Nam	5.8	Năm phẩy Tám	
129	1827258057	Mai Văn	Đức	D18KKTB	15/05/1989	Đà Nẵng	7.4	Bảy phẩy Bốn	
130	1827257941	Nguyễn Anh	Đức	D18KKTB	10/10/1990	Gia Lai	7.5	Bảy phẩy Năm	
131	162524157	Nguyễn Danh	Đức	K16QNH2	22/11/1991	Hà Tĩnh	5.6	Năm phẩy Sáu	
132	1827268332	Nguyễn Đình	Đức	D18KDNB	03/03/1990	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
133	132326041	Nguyễn Minh	Đức	K13KDN	08/08/1989	Thanh Hóa	4	Bốn	
134	1827247800	Phạm Tấn	Được	D18QNHB1	22/10/1991	Đà Nẵng	4.1	Bốn phẩy Một	
135	1827217622	Nguyễn Hoàng	Gôn	D18QTHB5	04/09/1988	Quảng Nam	3.8	Ba phẩy Tám	
136	1826268558	Bùi Thị Linh	Giang	D18KDNB	21/12/1990	Quảng Bình	8	Tám	
137	1826268104	Đoàn Ngọc	Giang	D18KDNB	23/10/1991	Quảng Bình	8.1	Tám phẩy Một	
138	1826268339	Hoàng Thị Thu	Giang	D18KDNB	28/03/1989	Đà Nẵng	7.6	Bảy phẩy Sáu	
139	1826247769	Huỳnh Thị Ngân	Giang	D18QNHB2	31/05/1991		5.5	Năm phẩy Năm	
140	1826217720	Lê Thị Hà	Giang	D18QTHB4	01/08/1990	Đà Nẵng	4.9	Bốn phẩy Chín	
141	1826217469	Lương Quỳnh	Giang	D18QTHB5	04/10/1991	Quảng Nam	3.8	Ba phẩy Tám	
142	1826268187	Ngô Thị Linh	Giang	D18KDNB	07/11/1991	Quảng Nam	8.8	Tám phẩy Tám	
143	1826268171	Phạm Thị Hồng	Giang	D18KDNB	03/08/1991	Quảng Bình	7.4	Bảy phẩy Bốn	
144	1826217500	Nguyễn Thị	Giảng	D18QTHB1	15/02/1991	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
145	1827217579	Phạm Minh	Giảng	D18QTHB4	03/09/1991	Nam Định	5	Năm	
146	1826268388	Đặng Thị Phương	Hà	D18KDNB	17/11/1991	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
147	162314555	Đoàn Thị Thu	Hà	K16KKT	15/02/1992	Quảng Trị	5.5	Năm phẩy Năm	
148	1826268489	Đỗ Thị Thu	Hà	D18KDNB	02/06/1987	Quảng Bình	7.8	Bảy phẩy Tám	
149	1826268574	Hoàng Thị	Hà	D18KDNB	07/10/1991	Quảng Bình	7.9	Bảy phẩy Chín	
150	1826258056	Hồ Thị Ngọc	Hà	D18KKTB	15/02/1986	Quảng Nam	5.6	Năm phẩy Sáu	
151	1826247792	Lưu Thị Thu	Hà	D18QNHB3	07/09/1991	Thanh Hóa	7.4	Bảy phẩy Bốn	
152	1826268366	Ngô Ngân	Hà	D18KDNB	20/04/1990	Huế	6.9	Sáu phẩy Chín	
153	171216249	Nguyễn Thanh	Hà	K17XCD	07/06/1992	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
154	1826268376	Nguyễn Thị Thu	Hà	D18KDNB	20/09/1991	Quảng Trị	6.9	Sáu phẩy Chín	
155	1826268323	Phạm Thị Ngọc	Hà	D18KDNB	03/06/1987	Huế	7.8	Bảy phẩy Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
156	1826268469	Phan Ngọc	Hà	D18KDNB	10/12/1988	Quảng Bình	8.4	Tám phẩy Bốn	
157	1826268120	Trần Thị Khánh	Hà	D18KDNB	14/04/1991	Quảng Trị	6	Sáu	
158	161217067	Hoàng Minh	Hải	K17XCD	28/01/1992	Quảng Bình	5.8	Năm phẩy Tám	
159	1827268217	Hồ Hoàng	Hải	D18KDNB	16/07/1984	Đà Nẵng	9	Chín	
160	1826268537	Huỳnh Thị Thu	Hải	D18KDNB	18/02/1990	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
161	1827247847	Lê Ngọc	Hải	D18QNHB1	07/09/1991	Đà Nẵng	6.6	Sáu phẩy Sáu	
162	1827217522	Lê Phúc	Hải	D18QTHB3	22/07/1991	Quảng Trị	7.4	Bảy phẩy Bốn	
163	1826268441	Lê Thị	Hải	D18KDNB	17/08/1989	Quảng Trị	9.3	Chín phẩy Ba	
164	1827268437	Trần Đại	Hải	D18KDNB	07/12/1991	Kiên Giang	7.4	Bảy phẩy Bốn	
165	161325322	Đặng Thị Hồng	Hạnh	K16KCD	27/04/1992	Đăklak	8.4	Tám phẩy Bốn	
166	178322641	Đinh Tiến	Hạnh	T17KDN	15/09/1983	Đà Nẵng	3.2	Ba phẩy Hai	
167	1826217461	Lê Kiều	Hạnh	D18QTHB1	02/09/1990	Đà Nẵng	6.4	Sáu phẩy Bốn	
168	1826247846	Lê Mỹ	Hạnh	D18QNHB2	10/09/1991	Đăk Lăk	7.5	Bảy phẩy Năm	
169	1826268136	Lê Trần Bích	Hạnh	D18KDNB	08/11/1991	Đà Nẵng	9.8	Chín phẩy Tám	
170	1826268255	Nguyễn Hồng	Hạnh	D18KDNB	02/06/1990	Đà Nẵng	8.1	Tám phẩy Một	
171	1826217618	Nguyễn Thị	Hạnh	D18QTHB3	07/03/1991	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
172	1826268278	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	D18KKTb	18/04/1989	Quảng Nam	6	Sáu	
173	1826268087	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	D18KDNB	07/10/1990	Quảng Ngãi	8.8	Tám phẩy Tám	
174	1826258070	Phạm Thái Hữu	Hạnh	D18KKTb	16/11/1991	Phú Yên	8.3	Tám phẩy Ba	
175	1826268385	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	D18KDNB	06/11/1990	Quảng Nam	9.8	Chín phẩy Tám	
176	1826268512	Thái Thị	Hạnh	D18KDNB	10/11/1991	Quảng Nam	8.6	Tám phẩy Sáu	
177	161327389	Trương Thị Phương	Hạnh	K16KCD	18/01/1992	Đà Nẵng	7.2	Bảy phẩy Hai	
178	1826217555	Bùi Thu	Hằng	D18QTHB4	09/01/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
179	1826217546	Cao Thị	Hằng	D18QTHB2	11/01/1991	Huế	4.5	Bốn phẩy Năm	
180	1826217477	Lê Thái Thanh	Hằng	D18QTHB1	22/10/1991	Quảng Nam	5.8	Năm phẩy Tám	
181	1826268430	Nguyễn Thị Minh	Hằng	D18KDNB	01/03/1990	Đà Nẵng	5.6	Năm phẩy Sáu	
182	1826257961	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D18KKTb	11/09/1990	Bình Định	9.5	Chín phẩy Năm	
183	1826247826	Phạm Thị Nguyệt	Hằng	D18QNHB3	26/02/1991	Gia Lai	7.3	Bảy phẩy Ba	
184	1826268331	Phạm Thị Thu	Hằng	D18KDNB	06/08/1988	Đà Nẵng	9	Chín	
185	1826217675	Phan Thị	Hằng	D18QTHB4	07/08/1991	Phú Yên	8.2	Tám phẩy Hai	
186	1826268190	Trần Thị Minh	Hằng	D18KDNB	25/09/1991	Đà Nẵng	7.1	Bảy phẩy Một	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
187	161325309	Trần Thị Thanh	Hàng	K16KCD	30/10/1992	Quảng Nam	5.7	Năm phẩy Bảy	
188	1826247773	Trần Thu	Hàng	D18QNHB3	20/10/1990	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
189	1826268292	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	D18KDNB	01/01/1990	Quảng Nam	8.8	Tám phẩy Tám	
190	1826268222	Phùng Thị Bích	Hân	D18KDNB	26/05/1991	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
191	1826247782	Huỳnh Thị	Hiền	D18QNHB3	21/05/1991	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
192	1826217633	La Thị Thu	Hiền	D18QTHB1	07/10/1989	Quảng Nam	3.4	Ba phẩy Bốn	
193	1826268227	Nguyễn Hà Minh	Hiền	D18KDNB	28/03/1991	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
194	1827217599	Nguyễn Quang	Hiền	D18QTHB3	23/06/1989	Quảng Ngãi	5.9	Năm phẩy Chín	
195	1826268344	Nguyễn Thanh	Hiền	D18KDNB	12/08/1991	Hà Tĩnh	7.6	Bảy phẩy Sáu	
196	1826268080	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D18KDNB	01/09/1990	Quảng Nam	7.4	Bảy phẩy Bốn	
197	1826268564	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D18KDNB	05/04/1991	Quảng Bình	6.6	Sáu phẩy Sáu	
198	179414805	Từ Thị Diệu	Hiền	D17DLKB	03/12/1988	Daklak	4.5	Bốn phẩy Năm	
199	1827247736	Trần Thanh	Hiền	D18QNHB2	08/09/1990	Đà Nẵng	4.5	Bốn phẩy Năm	
200	1826258033	Võ Thị	Hiền	D18KKT B	17/02/1991	Quảng Trị	7.6	Bảy phẩy Sáu	
201	1827268507	Lương Thanh	Hiển	D18KDNB	20/10/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
202	1827247795	Nguyễn Quang	Hiển	D18QNHB1	17/02/1990	Khánh Hòa	5.5	Năm phẩy Năm	
203	1826217648	Đặng Thị Ngọc	Hiệp	D18QTHB4	16/09/1990	Quảng Nam	5.9	Năm phẩy Chín	
204	1826718623	Huỳnh Thị	Hiệp	D18DLKB	19/06/1990	Bình Định	6.4	Sáu phẩy Bốn	
205	1826217484	Huỳnh Thị Thu	Hiệp	D18QTHB5	06/11/1989	Đà Nẵng	6.2	Sáu phẩy Hai	
206	1826268094	Tổng Thị Minh	Hiệp	D18KDNB	22/06/1991	Đà Nẵng	9	Chín	
207	1827217530	Trần Hoàng	Hiệp	D18QTHB4	21/04/1990	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
208	1826247882	Văn Thị Mỹ	Hiệp	D18QNHB2	10/09/1991	Bình Định	8.8	Tám phẩy Tám	
209	132326092	Võ Ngọc	Hiệp	K13KDN	12/01/1989	Quảng Bình	6.8	Sáu phẩy Tám	
210	171446681	Châu Viết	Hiếu	K17PSU-DCD	25/12/1993	Đà Nẵng	1.9	Một phẩy Chín	
211	171326756	Đặng Công	Hiếu	K17PSU-KCI	21/02/1992	Đà Nẵng	7.4	Bảy phẩy Bốn	
212	1827268498	Hồ Lê Thanh	Hiếu	D18KDNB	20/12/1989	Quảng Trị	7.9	Bảy phẩy Chín	
213	1826217662	Lê Thị	Hiếu	D18QTHB5	02/06/1991	Đà Nẵng	5.4	Năm phẩy Bốn	
214	1827718597	Nguyễn Duy	Hiếu	D18DLKB	28/10/1990	Quảng Nam	4	Bốn	
215	1827217521	Nguyễn Đăng	Hiếu	D18QTHB3	16/11/1989	Quảng Trị	6	Sáu	
216	1827217592	Nguyễn Hữu	Hiếu	D18QTHB4	18/04/1989	Nghệ An	8.1	Tám phẩy Một	
217	1826217560	Phạm Thị Thanh	Hiếu	D18QTHB2	15/04/1990	Quảng Nam	7.2	Bảy phẩy Hai	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
218	1827257976	Võ Minh	Hiếu	D18KKTB	18/12/1988	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
219	1826268169	Huỳnh Thị Thanh	Hoa	D18KDNB	01/01/1990	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
220	1826268499	Lương Thị Bích	Hoa	D18KDNB	25/07/1990	Đắk Lắk	9.4	Chín phẩy Bốn	
221	1826217554	Trần Thị Nh ư	Hoa	D18QTHB5	03/02/1982	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
222	1826217619	Vũ Hồng	Hoa	D18QTHB2	01/01/1991	Đắk Lắk	9.4	Chín phẩy Bốn	
223	161446098	Phan Thị Thanh	Hoà	K16DCD	15/12/1992	Đà Nẵng	V	Vắng	
224	1826247815	Huỳnh Lý Mộng	Hòa	D18QNHB3	14/07/1991	Gia Lai	8.4	Tám phẩy Bốn	
225	1826268275	Lê Thị Khánh	Hòa	D18KDNB	15/12/1991	Quảng Nam	10	Mười	
226	161325351	Nguyễn Thị Ái	Hòa	K16PSU_KCI	20/09/1992	Đà Nẵng	6	Sáu	
227	179323903	Võ Đình	Hòa	D18KDNB	26/04/1990	Quảng Nam	8.3	Tám phẩy Ba	
228	1827268205	Vương Thiện	Hòa	D18KDNB	20/07/1991	Đà Nẵng	9.4	Chín phẩy Bốn	
229	1827217548	Trần Văn	Hóa	D18QTHB3	30/10/1991	Thanh Hóa	8.6	Tám phẩy Sáu	
230	171446682	Lê Thị	Hoài	K17PSU-DCD	22/11/1992	Quảng Nam	5.7	Năm phẩy Bảy	
231	1826217531	Quảng Thị Thúy	Hoài	D18QTHB2	30/11/1991	Quảng Nam	6.1	Sáu phẩy Một	
232	1826268268	Thái Thị Thu	Hoài	D18KDNB	24/11/1990	Đà Nẵng	8.1	Tám phẩy Một	
233	161215120	Lê Ngọc	Hoàng	K16XCD	20/01/1992	Quảng Bình	4.5	Bốn phẩy Năm	
234	1827247790	Lê Văn	Hoàng	D18QNHB3	20/06/1990	Hà Tĩnh	7.3	Bảy phẩy Ba	
235	1827217471	Lê Xuân	Hoàng	D18QTHB5	24/05/1991	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
236	1827247891	Nguyễn Huy	Hoàng	D18QNHB2	08/10/1991	Hà Tĩnh	5.8	Năm phẩy Tám	
237	1826268299	Nguyễn Hữu Hồng	Hoàng	D18KDNB	10/10/1987	Hừa Thiên Hu	5.5	Năm phẩy Năm	
238	1827257940	Nguyễn Trường	Hoàng	D18KKTB	02/04/1988	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
239	171216260	Trần Vinh	Hoàng	K17XCD	01/06/1993	Quảng Trị	9	Chín	
240	161446104	Phạm	Hội	K16DCD	20/12/1990	Quảng Nam	1.9	Một phẩy Chín	
241	1826258032	Hoàng Thị	Hồng	D18KKTB	15/06/1990	Huế	8.1	Tám phẩy Một	
242	178322646	Hồ Thị Bích	Hồng	T17KDN	25/10/1987	Hà Tĩnh	7.3	Bảy phẩy Ba	
243	1826257957	Lê Thị Ánh	Hồng	D18KKTB	04/05/1988	Quảng Nam	7.6	Bảy phẩy Sáu	
244	1826718629	Phạm Bích	Hồng	D18DLKB	07/04/1989	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
245	1826217670	Phạm Thị Xuân	Hồng	D18QTHB1	21/10/1991	Đà Nẵng	8.9	Tám phẩy Chín	
246	1826268413	Phan Thị Xuân	Hồng	D18KDNB	25/06/1991	Bình Định	9.8	Chín phẩy Tám	
247	1826268556	Đỗ Thị	Huế	D18KDNB	01/01/1991	Nam Định	9	Chín	
248	1826268352	Hoàng Thị	Huệ	D18KDNB	15/05/1988	Quảng Bình	6.9	Sáu phẩy Chín	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
249	1826268092	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	D18KDNB	21/10/1991	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
250	171216268	Hồ Thanh	Hùng	K17XCD	18/03/1993	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
251	171216265	Lê Thanh	Hùng	K17XCD	04/02/1992	Quảng Bình	6.8	Sáu phẩy Tám	
252	1827217460	Trần Phạm Phi	Hùng	D18QTHB1	03/03/1990	Đà Nẵng	7.4	Bảy phẩy Bốn	
253	151215638	Trần Thế	Hùng	K15XCD	24/08/1990	Quảng Trị	4	Bốn	
254	171216266	Trương Văn	Hùng	K17XCD	26/08/1993	Đà Nẵng	9.5	Chín phẩy Năm	
255	161135923	Hoàng Minh	Huy	K16TCD	31/01/1992	Đà Nẵng	8	Tám	
256	1827718577	Hồ Hoàng	Huy	D18DLKB	02/08/1984	Bình Định	8	Tám	
257	161217028	Lưu Quang	Huy	K16XCD	08/08/1992	Thanh Hóa	2.8	Hai phẩy Tám	
258	1827217518	Mai An	Huy	D18QTHB1	15/08/1990	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
259	162524217	Mai Lê	Huy	K16QNH4	19/05/1991	Quảng Nam	5.6	Năm phẩy Sáu	
260	152333265	Ngô Việt	Huy	K15QTH1	23/02/1991	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
261	161215129	Nguyễn Đăng	Huy	K16XCD	28/07/1992	Kon Tum	5.8	Năm phẩy Tám	
262	1827247830	Nguyễn Tấn	Huy	D18QNHB3	02/06/1989	Đắk Lắk	3.8	Ba phẩy Tám	
263	1826217641	Hoàng Vũ Thanh	Huyền	D18QTHB4	07/10/1990	Đà Nẵng	8.1	Tám phẩy Một	
264	1826247856	Mai Thu	Huyền	D18QNHB3	07/01/1991	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
265	171446685	Nguyễn Thị Ái	Huyền	K17PSU-QCI	10/12/1993	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
266	1826257969	Nguyễn Thị Mộng	Huyền	D18KKTB	04/12/1989	Quảng Ngãi	7.3	Bảy phẩy Ba	
267	1826268113	Lê Thị Như	Huỳnh	D18KDNB	10/02/1991	Quảng Nam	8.8	Tám phẩy Tám	
268	1827268243	Bùi Minh	Hưng	D18KDNB	01/11/1991	Đà Nẵng	7.9	Bảy phẩy Chín	
269	1827217493	Nguyễn Hải	Hưng	D18QTHB4	04/06/1991	Quảng Ngãi	5.6	Năm phẩy Sáu	
270	1827217660	Trần Đoàn Thái	Hưng	D18QTHB4	01/02/1990	Đà Nẵng	6.9	Sáu phẩy Chín	
271	1827217602	Văn Bá	Hưng	D18QTHB5	23/09/1990	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
272	1826268553	Lê Thị	Hương	D18KKTB	10/09/1988	Gia Lai	9	Chín	
273	1826217556	Lê Thị Huỳnh	Hương	D18QTHB1	01/09/1990	Quảng Nam	6.4	Sáu phẩy Bốn	
274	1826268536	Lê Thị Mỹ	Hương	D18KDNB	17/12/1990	Đà Nẵng	9.4	Chín phẩy Bốn	
275	1826268118	Lê Thị Thanh	Hương	D18KDNB	27/05/1991	Huế	8.8	Tám phẩy Tám	
276	161325371	Lê Thị Việt	Hương	K16KCD	08/05/1992	Đà Nẵng	8.7	Tám phẩy Bảy	
277	1826268294	Lương Thị Lan	Hương	D18KDNB	20/09/1990	Đà Nẵng	9.5	Chín phẩy Năm	
278	1826268461	Lưu Hồ Mai	Hương	D18KDNB	03/11/1991	Quảng Bình	9.4	Chín phẩy Bốn	
279	162413900	Nguyễn Thị	Hương	K16DLK	21/10/1992	Thừa Thiên Huế	7.9	Bảy phẩy Chín	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
280	1826268552	Nguyễn Thị	Hương	D18KDNB	22/06/1991	Quảng Bình	8	Tám	
281	1826217718	Nguyễn Thị Diệu	Hương	D18QTHB4	13/06/1989	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
282	1826718631	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	D18DLKB	15/08/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
283	1826268151	Nguyễn Thị Thanh	Hương	D18KDNB	09/10/1990	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	
284	1826268119	Phan Thị Thanh	Hương	D18KDNB	09/08/1990	Đà Nẵng	9.5	Chín phẩy Năm	
285	1826268434	Trần Diệu	Hương	D18KDNB	18/01/1991	Quảng Bình	8.8	Tám phẩy Tám	
286	1826268426	Trần Thị Xuân	Hương	D18KDNB	08/02/1989	Quảng Nam	9.5	Chín phẩy Năm	
287	1826268091	Lê Thị	Hương	D18KDNB	20/03/1990	Quảng Nam	8.3	Tám phẩy Ba	
288	1826268458	Nguyễn Thị Bích	Hương	D18KDNB	30/05/1991	Nghệ An	9.3	Chín phẩy Ba	
289	1826268153	Thái Thị Thu	Hương	D18KDNB	30/04/1990	Quảng Trị	9.5	Chín phẩy Năm	
290	171216271	Phạm Văn	Hương	K17XCD	02/05/1993	Thanh Hóa	7.6	Bảy phẩy Sáu	
291	151325674	Trần Quang	Hương	K15KCD	03/03/1991	Quảng Bình	6.5	Sáu phẩy Năm	
292	1827247760	Võ Ngọc	Kế	D18QNHB1	28/11/1988	Quảng Nam	6.6	Sáu phẩy Sáu	
293	1826268392	Nguyễn Thị Bích	Kiều	D18KDNB	10/02/1989	Quảng Nam	5.6	Năm phẩy Sáu	
294	1826257943	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	D18KKTB	22/08/1991	Gia Lai	9.8	Chín phẩy Tám	
295	1827247759	Nguyễn Cao	Kỳ	D18QNHB2	02/08/1990		5.9	Năm phẩy Chín	
296	1827217504	Nguyễn Văn	Khanh	D18QTHB3	04/06/1990	Huế	8.6	Tám phẩy Sáu	
297	1827268348	Nguyễn Văn Vy	Khanh	D18KDNB	05/05/1990	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
298	161325392	Nguyễn Bảo	Khánh	K16KCD	11/10/1992	Đà Nẵng	7.9	Bảy phẩy Chín	
299	1827268357	Nguyễn Lê Bảo	Khánh	D18KDNB	11/12/1990	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
300	1827718613	Nguyễn Như	Khánh	D18DLKB	18/03/1988	Quảng Trị	6.3	Sáu phẩy Ba	
301	1826217513	Nguyễn Thị Kim	Khánh	D18QTHB1	10/04/1991	Quảng Nam	9.3	Chín phẩy Ba	
302	171216275	Nguyễn Văn	Khánh	K17XCD	25/12/1993	Quảng Trị	V	Vắng	
303	1826217687	Phan Việt	Khánh	D18QTHB3	02/09/1991	Đà Nẵng	8.1	Tám phẩy Một	
304	1826268480	Trương Thị Kim	Khánh	D18KDNB	23/02/1990	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
305	161217068	Đặng Bảo	Khiết	K16XCD	08/08/1991	Quảng Ngãi	3.3	Ba phẩy Ba	
306	1827268077	Nguyễn Văn	Khoa	D18KDNB	23/07/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
307	1826258047	Lâm Thanh	Khuê	D18KDNB	21/03/1990	Đà Nẵng	9.5	Chín phẩy Năm	
308	179414790	Hoàng Thị	Là	D18DLKB			6.3	Sáu phẩy Ba	
309	1826247870	Ngô Thị	Làm	D18QNHB2	06/04/1990	Phú Yên	7	Bảy	
310	1826247879	Lê Thị	Lan	D18QNHB1	16/10/1991	Thanh Hóa	6.8	Sáu phẩy Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
311	1826258004	Nguyễn Thị Lan	D18KKT B	06/01/1990	Thanh Hóa	7	Bảy	
312	1826217637	Võ Thị Lan	D18QTHB4	06/06/1991	Quảng Nam	8.4	Tám phẩy Bốn	
313	1826217722	Dương Thị Lan	D18QTHB5	23/10/1987		5.5	Năm phẩy Năm	
314	1826268150	Nghiêm Thị Lành	D18KDNB	16/02/1991	Đà Nẵng	9.4	Chín phẩy Bốn	
315	1827217563	Huỳnh Lâm	D18QTHB3	30/08/1990	Đà Nẵng	8	Tám	
316	1826268191	Huỳnh Võ Hà Lê	D18KDNB	16/02/1991	Đà Nẵng	9.3	Chín phẩy Ba	
317	162354019	Lương Quỳnh Lê	K16QTC2	24/10/1992	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
318	1826268397	Nguyễn Thị Bảo Lê	D18KDNB	08/10/1991	Quảng Trị	5.5	Năm phẩy Năm	
319	1826268355	Nguyễn Thị Thanh Lê	D18KDNB	26/07/1990	Đà Nẵng	6	Sáu	
320	1826268520	Hoàng Thị Mỹ Lệ	D18KDNB	05/10/1991	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
321	171446691	Hồ Thúy Lệ	K17PSU-DCD	29/07/1993	Nghệ An	5.6	Năm phẩy Sáu	
322	1826217465	Nguyễn Thị Lệ	D18QTHB1	18/01/1990	Quảng Nam	7.6	Bảy phẩy Sáu	
323	1826268234	Nguyễn Thị Liên	D18KDNB	22/10/1991	Quảng Nam	8	Tám	
324	1826268179	Nguyễn Thị Thanh Liêm	D18KDNB	17/05/1991	Quảng Bình	8.8	Tám phẩy Tám	
325	161327393	Bùi Thị Liên	K16KCD	20/10/1992	Bình Định	8.4	Tám phẩy Bốn	
326	161325405	Dương Ái Liên	K16KCD	03/03/1992	Đà Nẵng	1.2	Một phẩy Hai	
327	162316721	Lê Thị Hoàng Liên	K16KKT	09/11/1992	Quảng Nam	3.9	Ba phẩy Chín	
328	1826268382	Nguyễn Thị Mỹ Liên	D18KDNB	08/02/1987	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
329	168322164	Nguyễn Thị Mỹ Liên	T17KDN	29/09/1984	Đà Nẵng	9.1	Chín phẩy Một	
330	1826268110	Trần Thị Mỹ Liên	D18KDNB	04/10/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
331	1826268202	Bùi Thị Xuân Linh	D18KDNB	15/02/1991	Đà Nẵng	7.6	Bảy phẩy Sáu	
332	161325416	Đặng Thành Linh	K16KCD	02/06/1992	Quảng Bình	5.6	Năm phẩy Sáu	
333	1826268381	Đỗ Thị Thùy Linh	D18KDNB	25/01/1987	Quảng Nam	9	Chín	
334	1826217715	Huỳnh Thị Thùy Linh	D18QTHB2	05/07/1990	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
335	1826257995	Lê Thị Mai Linh	D18KKT B	01/11/1991	Quảng Trị	9.6	Chín phẩy Sáu	
336	162354027	Lê Thị Ngọc Linh	K16QTC1	20/05/1992	Quảng Bình	6	Sáu	
337	171576595	Nguyễn Khánh Linh	K17PSU-QCI	01/06/1993	DakLak	5.5	Năm phẩy Năm	
338	1827217603	Nguyễn Lương Linh	D18QTHB1	15/01/1988	Đà Nẵng	3.5	Ba phẩy Năm	
339	1826268223	Nguyễn Thị Kim Linh	D18KDNB	03/07/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
340	1826257917	Nguyễn Thị Khánh Linh	D18KKT B	09/05/1991	Quảng Bình	9.3	Chín phẩy Ba	
341	1826268085	Nguyễn Thị Thùy Linh	D18KDNB	04/10/1991	Quảng Nam	9.3	Chín phẩy Ba	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
342	1826217623	Nguyễn Triệu	Linh	D18QTHB3	06/02/1991	Bình Định	6	Sáu	
343	1826257970	Nguyễn Viết Hạ	Linh	D18KKT B	08/09/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
344	1827268287	Phạm Nhất	Linh	D18KDNB	13/10/1990	Quảng Nam	7.4	Bảy phẩy Bốn	
345	1826268414	Phạm Thị	Linh	D18KDNB	17/06/1990	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
346	1827268185	Phan Văn	Linh	D18KDNB	16/10/1991	Quảng Bình	5.6	Năm phẩy Sáu	
347	171219011	Phùng Tuấn	Linh	K17XCD	15/01/1992	DakLak	9	Chín	
348	171576597	Tường Diệu	Linh	K17PSU-QCI	20/04/1993	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
349	1826268284	Trần Hoàng Tổ	Linh	D18KDNB	13/09/1990	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
350	161325412	Trần Thị Mỹ	Linh	K16PSU_KCI	20/07/1992	Quảng Nam	6.6	Sáu phẩy Sáu	
351	1826268550	Trần Thị Nhật	Linh	D18KDNB	22/11/1991	Đà Nẵng	8.6	Tám phẩy Sáu	
352	1826217585	Trần Thị Thảo	Linh	D18QTHB5	25/12/1989	Đà Nẵng	7.6	Bảy phẩy Sáu	
353	1827217576	Trương Phan Thành	Linh	D18QTHB3	31/03/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
354	1826268177	Vũ Thị Hoàng	Linh	D18KDNB	22/10/1991	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
355	1827217661	Nguyễn Đình	Linh	D18QTHB4	06/11/1990	Huế	7.5	Bảy phẩy Năm	
356	1826718625	Trần Thị Hồng	Linh	D18DLKB	30/12/1990	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
357	1826268238	Nguyễn Thị	Linh	D18KDNB	28/09/1990	Quảng Nam	8.1	Tám phẩy Một	
358	1826268495	Dương Thị Thanh	Loan	D18KDNB	10/01/1991	Quảng Bình	6.8	Sáu phẩy Tám	
359	1826247749	Đỗ Thị Kim	Loan	D18QNHB2	02/06/1989	Bình Định	7.4	Bảy phẩy Bốn	
360	1826247743	Lê Thị Hồng	Loan	D18QNHB2	16/03/1991	Quảng Bình	5.9	Năm phẩy Chín	
361	171446695	Phạm Nguyễn Tổ	Loan	K17PSU-DCD	25/09/1993	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
362	1826268358	Phạm Thị Kim	Loan	D18KDNB	22/07/1991	Quảng Ngãi	7.8	Bảy phẩy Tám	
363	1826268386	Trần Võ Thị Kiều	Loan	D18KDNB	01/10/1987	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
364	1827217616	Lê Đình	Long	D18QTHB5	02/01/1990	Huế	5.9	Năm phẩy Chín	
365	1827718578	Lê Hoàng	Long	D18DLKB	02/05/1986	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
366	161325439	Ngô Minh	Long	K16KCD	01/12/1992	Quảng Bình	3.9	Ba phẩy Chín	
367	1826247848	Nguyễn Hoàng Kim	Long	D18QNHB3	18/11/1991	Đà Nẵng	7.1	Bảy phẩy Một	
368	161215142	Nguyễn Văn	Long	K16XCD	21/05/1991	Quảng Nam	7.4	Bảy phẩy Bốn	
369	171216284	Trần Đình	Long	K17XCD	03/02/1992	Quảng Trị	1.3	Một phẩy Ba	
370	1827247852	Võ Duy	Long	D18QNHB2	04/01/1991	Quảng Trị	6.8	Sáu phẩy Tám	
371	1827247832	Nguyễn Thanh	Lộc	D18QNHB3	16/03/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
372	1826268088	Nguyễn Thị	Lộc	D18KDNB	19/05/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LÀİP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
373	1826247873	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	D18QNHB1	06/06/1991	Đà Nẵng	6.1	Sáu phẩy Một	
374	171446696	Nguyễn Thị Tr ường Lộc	K17PSU-DCD	30/04/1993	Quảng Nam	4.3	Bốn phẩy Ba	
375	162413912	Phạm Thị Lợi	K16DLK	10/08/1992	Đà Nẵng	3.8	Ba phẩy Tám	
376	1827247888	Lê Vũ Luân	D18QNHB1	03/06/1991	Kon Tum	7.5	Bảy phẩy Năm	
377	1827268326	Trần Thành Luân	D18KDNB	20/02/1985	Bình Định	7.4	Bảy phẩy Bốn	
378	1827268517	Huỳnh Phước Chánh Luận	D18KDNB	27/03/1989	Đà Nẵng	5.9	Năm phẩy Chín	
379	162314621	Lê Thị Luận	K16KKT	26/10/1992	Quảng Nam	1.5	Một phẩy Năm	
380	1826217671	Nguyễn Thị Luyến	D18QTHB3	04/02/1991	Quảng Nam	7.9	Bảy phẩy Chín	
381	1827217573	Kiều Lê Viết Lực	D18QTHB4	24/10/1988	Đà Nẵng	7.6	Bảy phẩy Sáu	
382	1827247739	Lê Công Lực	D18QNHB3	12/06/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
383	1827268074	Ngô Phi Lực	D18KKTB	16/06/1985	Quảng Nam	6.4	Sáu phẩy Bốn	
384	1827718630	Võ Minh Lương	D18DLKB	15/03/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
385	171216287	Nguyễn Văn Lưu	K17XCD	21/12/1992	TT Hu ế	1.3	Một phẩy Ba	
386	1826268089	Trần Thị Lưu	D18KDNB	01/08/1988	Quảng Bình	8.9	Tám phẩy Chín	
387	1826247770	Phan Thị Lựu	D18QNHB3	06/05/1990	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
388	1826268396	Cao Thị Khánh Ly	D18KDNB	21/01/1991	Nghệ An	8	Tám	
389	1826257936	Đoàn Thị Yến Ly	D18KKTB	19/09/1991	Quảng Bình	8.8	Tám phẩy Tám	
390	1826217714	Lương Khánh Ly	D18QTHB4	21/08/1990	Quảng Nam	8.9	Tám phẩy Chín	
391	1826247748	Mai Thị Ly Ly	D18QNHB1	05/11/1991	Huế	6.1	Sáu phẩy Một	
392	171326764	Mai Thị Tường Ly	K17PSU-KCI	10/11/1993	Quảng Nam	5.6	Năm phẩy Sáu	
393	1826257964	Nguyễn Thị Thảo Ly	D18KKTB	13/06/1991	Quảng Trị	8.9	Tám phẩy Chín	
394	1826718614	Bùi Thị Thiên Lý	D18DLKB			7.6	Bảy phẩy Sáu	
395	1827217727	Nguyễn Ngọc Lý	D18QTHB1	10/10/1990	Bình Định	7.6	Bảy phẩy Sáu	
396	1826217717	Tô Thị Mai Lý	D18QTHB1	05/10/1991	Quảng Nam	8.6	Tám phẩy Sáu	
397	1826268341	Dương Thị Kim Mai	D18KDNB	02/06/1991	Quảng Nam	6.9	Sáu phẩy Chín	
398	1826268158	Đào Thị Hương Mai	D18KDNB	08/09/1990	Quảng Trị	7.9	Bảy phẩy Chín	
399	1826268575	Lê Thị Thanh Mai	D18KDNB	13/07/1991	Quảng Nam	7.9	Bảy phẩy Chín	
400	1826268379	Nguyễn Thị Hoàng Mai	D18KDNB	03/04/1991	Đà Nẵng	7.6	Bảy phẩy Sáu	
401	162413915	Nguyễn Thị Thu Mai	K16DLK	11/06/1992	Quảng Nam	V	Vắng	
402	1826217486	Nguyễn Thị Xuân Mai	D18QTHB3	05/07/1991	Kon Tum	6.8	Sáu phẩy Tám	
403	178322657	Trần Thị Tuyết Mai	T17KDN	06/05/1984	Quảng Nam	2.3	Hai phẩy Ba	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
404	1826217611	Võ Thị	Mai	D18QTHB4	21/04/1990	Quảng Nam	6.6	Sáu phẩy Sáu	
405	1826258007	Tô Thị Kiều	Mến	D18KKT B	17/10/1991	Quảng Nam	9	Chín	
406	171216288	Nguyễn Đình	Minh	K17XCD	28/09/1991	Bình Phước	2.1	Hai phẩy Một	
407	1827247851	Nguyễn Nhật	Minh	D18QNHB3	01/08/1990	Quảng Nam	5.9	Năm phẩy Chín	
408	1827718627	Nguyễn Văn	Minh	D18DLKB	14/02/1990	Quảng Nam	6.4	Sáu phẩy Bốn	
409	161325463	Trương Hồng	Minh	K16TCD	12/01/1992	Quảng Nam	8	Tám	
410	1826268291	Lê Thị Quỳnh	Mơ	D18KDNB	18/08/1990	Quảng Nam	7.4	Bảy phẩy Bốn	
411	1826268402	Cao Thị Trà	My	D18KDNB	11/09/1991	Quảng Bình	7.3	Bảy phẩy Ba	
412	1826247763	Đặng Trần Diễm	My	D18QNHB3	02/02/1991	Bình Định	7.3	Bảy phẩy Ba	
413	1826268184	Hoàng Thị Diễm	My	D18KDNB	11/02/1990	Huế	3.8	Ba phẩy Tám	
414	1826268515	Hoàng Thị Thùy	My	D18KDNB	03/05/1991	Đà Nẵng	5.6	Năm phẩy Sáu	
415	1826257971	Huỳnh Thị Diễm	My	D18KKT B	20/03/1990	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
416	1826268075	Huỳnh Thị Trà	My	D18KDNB	30/04/1990	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
417	1826257997	Lê Thị Diễm	My	D18KKT B	25/11/1991	Huế	8.6	Tám phẩy Sáu	
418	1826217615	Nguyễn Thị Diễm	My	D18QTHB3	19/07/1989	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
419	1826268112	Nguyễn Thị Kiều	My	D18KDNB	28/04/1991	Quảng Nam	4.5	Bốn phẩy Năm	
420	1826247881	Phạm Thị Trà	My	D18QNHB1	01/01/1991	Quảng Nam	5.9	Năm phẩy Chín	
421	162413917	Võ Phan Trà	My	K16DLK	21/07/1991	Quảng Nam	4.5	Bốn phẩy Năm	
422	1826268107	Võ Thị Trâm	My	D18KDNB	26/03/1990	Đà Nẵng	8.1	Tám phẩy Một	
423	1826217689	Lê Thị	Mỹ	D18QTHB5	10/02/1991	Đà Nẵng	3.8	Ba phẩy Tám	
424	1826718585	Trần Thị Hoàn	Mỹ	D18DLKB	09/08/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
425	1826718628	Lương Thái Ly	Na	D18DLKB	23/09/1988	Quảng Nam	6	Sáu	
426	1826268506	Trần Thị	Na	D18KDNB	11/08/1991	Hà Tĩnh	5.8	Năm phẩy Tám	
427	1826217569	Trần Thị Mi	Na	D18QTHB1	23/05/1989	Huế	6.9	Sáu phẩy Chín	
428	1826257914	Hồ Thị Hoài	Nam	D18KKT B	06/08/1991	Quảng Bình	7.4	Bảy phẩy Bốn	
429	1827217597	Nguyễn Hoàng	Nam	D18QTHB1	05/11/1990	Đà Nẵng	4.3	Bốn phẩy Ba	
430	1827217631	Nguyễn Văn	Nam	D18QTHB4	02/05/1991	Quảng Nam	5.9	Năm phẩy Chín	
431	171218857	Phan Tuấn	Nam	K17XCD	15/06/1993	Quảng Bình	5.6	Năm phẩy Sáu	
432	171216294	Trần Văn	Nam	K17XCD	15/02/1993	ĐAK NÔNG	3	Ba	
433	1827217523	Ung Việt	Nam	D18QTHB2	18/04/1991	Quảng Nam	3.8	Ba phẩy Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
434	1827217578	Võ Quốc	Nam	D18QTHB5	29/03/1990	Quảng Nam	5.6	Năm phẩy Sáu	
435	1827247864	Vũ Quang	Năng	D18QNHB2	04/10/1991	Kon Tum	0	Không	
436	1826247802	Đinh Thị Li	Ni	D18QNHB3	13/07/1989	Đà Nẵng	7.6	Bảy phẩy Sáu	
437	1826258037	Lê Thị	Ni	D18KDNB	19/04/1990	Quảng Trị	8.6	Tám phẩy Sáu	
438	1826268359	Nguyễn Tùng Th ảo	Ni	D18KDNB	19/08/1991	Quảng Trị	7	Bảy	
439	1826258059	Nguyễn Thị Hồng	Ni	D18KKTB	01/01/1991	Quảng Nam	7.1	Bảy phẩy Một	
440	1826268176	Nguyễn Thị Nhật	Ni	D18KDNB	01/11/1991	Quảng Nam	7.9	Bảy phẩy Chín	
441	1826268567	Võ Thị Bích	Ni	D18KDNB	25/10/1989	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
442	1826247812	H' Biễn	Niê	D18QNHB2	19/08/1990	Đăk Lăk	6	Sáu	
443	1827718588	Huỳnh Lê Phước	Niêm	D18DLKB	24/04/1991	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
444	1826217635	Võ Thị	Niêm	D18QTHB1	03/01/1990	Quảng Bình	3.3	Ba phẩy Ba	
445	1826247811	Lê Thị Trúc	Nơ	D18QNHB3	30/09/1991		7.9	Bảy phẩy Chín	
446	1826268252	Đặng Thị	Nở	D18KDNB	03/03/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
447	1826268237	Nguyễn Thị	Nữ	D18KDNB	28/08/1990	Quảng Nam	5.9	Năm phẩy Chín	
448	179333713	Lê	Ny	D18QTHB5	06/07/1990	Quảng Nam	6.1	Sáu phẩy Một	
449	178322659	Đinh Thị	Nga	T17KDN	10/10/1987	Quảng Bình	1.3	Một phẩy Ba	
450	1826268306	Đoàn Thị Thanh	Nga	D18KDNB	01/01/1980	Quảng Nam	5.9	Năm phẩy Chín	
451	1826268285	Hà Thị Bích	Nga	D18KDNB	10/08/1991	Quảng Nam	5.6	Năm phẩy Sáu	
452	1826268097	Hồ Thị Tố	Nga	D18KDNB	10/03/1987	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
453	1826268228	Lê Thị Kim	Nga	D18KDNB	06/10/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
454	178322660	Lê Thị Quỳnh	Nga	T17KDN	14/03/1987	Đà Nẵng	1.5	Một phẩy Năm	
455	1826268157	Nguyễn Thị Ly	Nga	D18KDNB	01/01/1990	Quảng Nam	6	Sáu	
456	1826268224	Nguyễn Thị Thu	Nga	D18KDNB	10/08/1990	Đà Nẵng	4.6	Bốn phẩy Sáu	
457	1826268121	Tào Thị	Nga	D18KDNB	18/04/1991	Thanh Hóa	7.6	Bảy phẩy Sáu	
458	1826257967	Trương Thị Nguyệt	Nga	D18KKTB	02/12/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
459	1826257920	Đỗ Thị Ngọc	Ngà	D18KKTB	25/02/1990	Quảng Nam	6.6	Sáu phẩy Sáu	
460	171446704	Hoàng Thị Kim	Ngân	K17PSU-DCD	10/09/1992	Đà Nẵng	V	Vắng	
461	1826217462	Lê Thị Quỳnh	Ngân	D18QTHB3	10/10/1991	Đăk Lăk	8.3	Tám phẩy Ba	
462	1826217572	Lê Thị Tuyết	Ngân	D18QTHB3	13/09/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
463	1826257951	Nguyễn Thị	Ngân	D18KKTB	13/07/1991	Quảng Nam	6.4	Sáu phẩy Bốn	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
464	161325501	Phạm Thị Vỹ	Ngân	K16PSU_KCI	20/08/1992	Quảng Nam	7.1	Bảy phẩy Một	
465	1826217658	Trần Thị Mỹ	Ngân	D18QTHB5	25/02/1991	Bình Định	6.3	Sáu phẩy Ba	
466	1826718593	Trương Lê Kim	Ngân	D18DLKB	22/11/1991	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
467	1826268322	Võ Thị Hoàn	Ngân	D18KDNB	19/11/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
468	161217211	Hà Vĩnh	Nghĩa	K16XCD	20/12/1988	Quảng Bình	9.5	Chín phẩy Năm	
469	162354039	Ngô Đình	Nghĩa	K16QTC3	19/10/1992	Đà Nẵng	6.4	Sáu phẩy Bốn	
470	162524286	Đỗ Trần	Ngọc	K16QNH4	04/07/1992	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
471	1826257928	Hoàng Phương	Ngọc	D18KKTB	10/08/1990	Quảng Bình	9.5	Chín phẩy Năm	
472	1826247860	Nguyễn Lê Hồng	Ngọc	D18QNHB3	12/08/1991	Quảng Ngãi	8.3	Tám phẩy Ba	
473	1826268133	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	D18KDNB	19/10/1991	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
474	1826268303	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D18KDNB	17/10/1990	Quảng Bình	6.8	Sáu phẩy Tám	
475	161325514	Nguyễn Thị Nh ư	Ngọc	K16KCD	26/09/1991	Quảng Trị	1.6	Một phẩy Sáu	
476	1826217508	Phạm Thảo	Ngọc	D18QTHB1	02/09/1991	Quảng Nam	9.6	Chín phẩy Sáu	
477	1826258023	Phạm Thị Hồng	Ngọc	D18KKTB	22/10/1991	Nghệ An	8.1	Tám phẩy Một	
478	1826268090	Phan Lê Bảo	Ngọc	D18KDNB	22/08/1989	Đà Nẵng	6	Sáu	
479	1826217458	Trần Khánh	Ngọc	D18QTHB1	06/11/1991	Quảng Trị	8.1	Tám phẩy Một	
480	1826217589	Trần Thị Cẩm	Ngọc	D18QTHB5	12/12/1989	Quảng Trị	7.3	Bảy phẩy Ba	
481	1826257977	Võ Thị Phương	Ngọc	D18KKTB	12/12/1991	Quảng Ngãi	8.5	Tám phẩy Năm	
482	1826257989	Đào Thị Hạnh	Nguyên	D18KKTB	19/11/1988	Quảng Nam	7	Bảy	
483	171216299	Huỳnh Văn	Nguyên	K17XCD	18/02/1993	TT Huế	6.9	Sáu phẩy Chín	
484	1826217696	Lê Hoàng Khôi	Nguyên	D18QTHB2	02/01/1989	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
485	1827247781	Lê Thảo	Nguyên	D18QNHB3	05/09/1991	Gia Lai	6.3	Sáu phẩy Ba	
486	1826217558	Lê Thị	Nguyên	D18QTHB2	03/02/1990	Thanh Hóa	9	Chín	
487	1827257953	Nguyễn Hoàng Vỹ	Nguyên	D18KKTB	01/01/1990	Đắk Lắk	7.3	Bảy phẩy Ba	
488	1827217646	Nguyễn Ngọc	Nguyên	D18QTHB5	17/11/1991	Bình Định	7.4	Bảy phẩy Bốn	
489	1826718595	Trần Thị Trúc	Nguyên	D18DLKB	20/10/1991	Phú Yên	6.5	Sáu phẩy Năm	
490	162343858	Nguyễn Xuân	Nguyễn	K16QTM1	04/03/1991	Đà Nẵng	V	Vắng	
491	1826268446	Đình Ánh	Nguyệt	D18KDNB	02/12/1990	Bình Định	5.5	Năm phẩy Năm	
492	1826217598	Hoàng Thị	Nguyệt	D18QTHB1	07/11/1990	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
493	1826268230	Hồ Yến	Nguyệt	D18KDNB	29/07/1989	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
494	1826268343	Nguyễn Thị Nh ư	Nguyệt	D18KDNB	27/07/1991	Đà Nẵng	7.4	Bảy phẩy Bốn	
495	1826268144	Trương Minh	Nguyệt	D18KDNB	17/07/1987	Quảng Nam	7.6	Bảy phẩy Sáu	
496	1826257990	Nguyễn Thị An	Nhân	D18KKT B	11/06/1991	Quảng Trị	8.6	Tám phẩy Sáu	
497	1826268439	Lê Thị Hồng	Nhận	D18KDNB	12/12/1985	Quảng Trị	4.3	Bốn phẩy Ba	
498	1827268175	Lê Anh	Nhân	D18KDNB	24/06/1990	Đà Nẵng	6.6	Sáu phẩy Sáu	
499	1827217488	Nguyễn Phương	Nhân	D18QTHB1	13/02/1990	Đà Nẵng	V	Vắng	
500	1826258024	Nguyễn Thị	Nhân	D18KKT B	25/08/1991	Quảng Bình	7.8	Bảy phẩy Tám	
501	1826217559	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	D18QTHB2	08/06/1991	Quảng Trị	6.4	Sáu phẩy Bốn	
502	171216301	Phan Văn	Nhật	K17XCD	29/01/1993	Quảng Nam	6.9	Sáu phẩy Chín	
503	1827247889	Võ Quang	Nhật	D18QNHB1	16/10/1990	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
504	1826268081	Lê Ngọc Ái	Nhi	D18KDNB	01/01/1990	Đà Nẵng	9.1	Chín phẩy Một	
505	1826268486	Lê Thị Ngọc	Nhi	D18KDNB	17/11/1990	Quảng Trị	8.1	Tám phẩy Một	
506	1826217655	Lê Thị Yến	Nhi	D18QTHB5	05/12/1991	Đà Nẵng	9.3	Chín phẩy Ba	
507	152416453	Lưu Thị Yến	Nhi	K16DLK	05/09/1991	Quảng Nam	3.1	Ba phẩy Một	
508	171326771	Nguyễn Quỳnh Ý	Nhi	K17PSU-KCI	07/02/1993	Liên Bang Ng	7.1	Bảy phẩy Một	
509	1826247899	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	D18QNHB3	12/04/1991	Quảng Ngãi	4.8	Bốn phẩy Tám	
510	1826268114	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	D18KDNB	05/08/1991	Quảng Nam	6.1	Sáu phẩy Một	
511	1826268076	Trần Thị Thanh	Nhi	D18KDNB	09/08/1989	Huế	3.6	Ba phẩy Sáu	
512	1826268538	Võ Thị Yến	Nhi	D18KDNB	21/08/1991	Bến Tre	5.5	Năm phẩy Năm	
513	1826257981	Lê Thị	Nhiên	D18KKT B	02/03/1991	Sóc Trăng	8	Tám	
514	1826217570	Nguyễn Thị	Nhơn	D18QTHB1	08/08/1991	Bình Định	9.3	Chín phẩy Ba	
515	1826247784	Nguyễn Thị Ho ài	Nhơn	D18QNHB1	26/05/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
516	161325550	Bùi Thị Cẩm	Nhung	K16KCD	13/01/1992	Quảng Nam	5.9	Năm phẩy Chín	
517	1826268181	Dương Thị Hồng	Nhung	D18KDNB	05/05/1991	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
518	1826268406	Nguyễn Hồng	Nhung	D18KDNB	15/05/1990	Quảng Nam	6.6	Sáu phẩy Sáu	
519	1826217632	Nguyễn Thị	Nhung	D18QTHB4	18/08/1991	Hà Nam	6.4	Sáu phẩy Bốn	
520	1826268464	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	D18KDNB	27/07/1991	Đăk Lăk	5.6	Năm phẩy Sáu	
521	1826247838	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	D18QNHB2	07/10/1989		6.6	Sáu phẩy Sáu	
522	1826258019	Phan Thị	Nhung	D18KKT B	14/11/1988	Đà Nẵng	4.1	Bốn phẩy Một	
523	1826217674	Đổng Thị Khánh	Như	D18QTHB5	30/05/1990	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
524	1826217693	Nguyễn Thị	Nhự	D18QTHB4	02/01/1988	Gia Lai	5.8	Năm phẩy Tám	
525	1826258067	Ngô Thị	Nhựt	D18KKTb	25/10/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
526	1826268178	Hồ Thị Lệ	Oanh	D18KDNB	11/11/1989	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
527	1826247735	Lê Thị Kiều	Oanh	D18QNHB1	01/10/1988	Quảng Nam	7.6	Bảy phẩy Sáu	
528	1826217464	Ngô Thị Hoàng	Oanh	D18QTHB2	11/06/1991	Quảng Nam	5.6	Năm phẩy Sáu	
529	1826268541	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	D18KDNB	28/12/1990	Quảng Bình	8	Tám	
530	1826217692	Nguyễn Thị Lý	Oanh	D18QTHB4	27/07/1990	Quảng Nam	3.3	Ba phẩy Ba	
531	1826247785	Trần Thị Ph ương	Oanh	D18QNHB2	23/12/1990	Huế	8.3	Tám phẩy Ba	
532	1826268311	Võ Kiều	Oanh	D18KDNB	04/05/1988	Đà Nẵng	8.6	Tám phẩy Sáu	
533	1826268267	Võ Thị	Oanh	D18KDNB	19/09/1989	Bình Định	6.4	Sáu phẩy Bốn	
534	152313982	Đặng Văn	Pháp	K15KKT	26/03/1990	Dăklak	5.8	Năm phẩy Tám	
535	171216305	Nguyễn Văn	Phi	K17XCD	05/04/1993	Quảng Nam	8.4	Tám phẩy Bốn	
536	171216306	Đỗ Hồng	Phong	K17XCD	08/03/1993	Quảng Nam	1.5	Một phẩy Năm	
537	171216309	Nguyễn Hồng	Phong	K17XCD	20/08/1993	Quảng Nam	4	Bốn	
538	1827247892	Đỗ Thanh	Phú	D18QNHB2	18/03/1990	Quảng Bình	8.3	Tám phẩy Ba	
539	171218853	Nguyễn Văn	Phú	K17XCD	04/08/1992	Quảng Bình	7	Bảy	
540	1827247857	Đặng Quang	Phúc	D18QNHB3	01/06/1991	Gia Lai	8.3	Tám phẩy Ba	
541	152426373	Ngô Tấn	Phúc	K15DLK	12/10/1991	Đà Nẵng	6.9	Sáu phẩy Chín	
542	1827257907	Nguyễn Hữu	Phúc	D18KKTb	06/03/1990	Đăk Lăk	5.8	Năm phẩy Tám	
543	162413931	Phan Phi	Phụng	K16DLK	21/12/1992	Quảng Nam	6.6	Sáu phẩy Sáu	
544	1827217474	Hồ Công	Phước	D18QTHB3	10/05/1991	Đà Nẵng	6.6	Sáu phẩy Sáu	
545	171216315	Nguyễn Bá	Phước	K17XCD	01/11/1993	Quảng Bình	5.8	Năm phẩy Tám	
546	1826217574	Nguyễn Ngọc	Phước	D18QTHB5	01/08/1989	Đà Nẵng	7	Bảy	
547	1826257998	Cao Thị Nhật	Phương	D18KKTb	24/02/1989	Quảng Bình	7.5	Bảy phẩy Năm	
548	161327236	Dương Cao Thị	Phương	K16KCD	08/10/1992	Quảng Trị	6.8	Sáu phẩy Tám	
549	1826268312	Dương Thị Lan	Phương	D18KDNB	24/08/1990	Quảng Bình	9.1	Chín phẩy Một	
550	1827217600	Đỗ Th ành	Phương	D18QTHB1	08/11/1990	Đà Nẵng	8.6	Tám phẩy Sáu	
551	1826268478	Hoàng Như	Phương	D18KDNB	08/10/1987	Quảng Bình	8.5	Tám phẩy Năm	
552	1826268497	Hoàng Thị Hoài	Phương	D18KDNB	20/06/1991	Quảng Bình	6.8	Sáu phẩy Tám	
553	1827247777	Huỳnh Tấn	Phương	D18QNHB3	02/10/1990	Kon Tum	9.3	Chín phẩy Ba	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÀIP	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
554	1827217593	Huỳnh Tấn	Phương	D18QTHB1	10/07/1991	Quảng Nam	9.3	Chín phẩy Ba	
555	1826258073	Huỳnh Thị Bích	Phương	D18KKTB	02/04/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
556	1826258016	Huỳnh Thị Lệ	Phương	D18KKTB	09/02/1991	Đà Nẵng	9.3	Chín phẩy Ba	
557	1826217468	Nguyễn Loan	Phương	D18QTHB2	27/10/1991	Đà Nẵng	7.4	Bảy phẩy Bốn	
558	1826268129	Nguyễn Thị Bích	Phương	D18KDNB	02/09/1991	Đà Nẵng	9	Chín	
559	1826257992	Nguyễn Thị Hoài	Phương	D18KKTB	03/03/1989	Quảng Trị	7.8	Bảy phẩy Tám	
560	161325579	Phan Bảo Minh	Phương	K16KCD	13/12/1992	Đà Nẵng	3.4	Ba phẩy Bốn	
561	1827217463	Phan Duy	Phương	D18QTHB2	16/11/1991	Quảng Nam	6.4	Sáu phẩy Bốn	
562	1826247794	Trần Phạm Hoài	Phương	D18QNHB1	24/05/1991	Đà Nẵng	7.9	Bảy phẩy Chín	
563	1826217535	Trần Thị Mỹ	Phương	D18QTHB4	10/03/1991	Quảng Ngãi	7.6	Bảy phẩy Sáu	
564	1826268389	Lê Thị Mỹ	Phương	D18KDNB	02/10/1991	Quảng Trị	7.4	Bảy phẩy Bốn	
565	1826258063	Lê Thị Thúy	Phương	D18KKTB	05/04/1991	Gia Lai	7.6	Bảy phẩy Sáu	
566	1826247788	Lý Thị Xuân	Phương	D18QNHB2	29/09/1991	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
567	1826257946	Nguyễn Thị Kim	Phương	D18KKTB	01/10/1984	Đà Nẵng	9	Chín	
568	178322663	Nguyễn Thúy	Phương	T17KDN	15/03/1982	Đà Nẵng	5.9	Năm phẩy Chín	
569	161217595	Nguyễn Ngọc	Quang	K16XCD	01/12/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
570	1827217480	Trần Trọng	Quang	D18QTHB4	21/08/1989	Đà Nẵng	6	Sáu	
571	152353470	Lê Minh	Quân	K15QTC2	09/07/1991	Quảng Nam	6.9	Sáu phẩy Chín	
572	1827217545	Nguyễn Kim	Quốc	D18QTHB4	20/11/1991	Đà Nẵng	5	Năm	
573	171216322	Nguyễn Mạnh	Quốc	K17XCD	05/04/1992	Quảng Nam	8.9	Tám phẩy Chín	
574	171216321	Nguyễn Quang Phú	Quốc	K17XCD	21/12/1992	DakLak	5.5	Năm phẩy Năm	
575	1827257922	Phạm Thái	Quốc	D18KKTB	24/01/1990	Quảng Nam	8	Tám	
576	1827217723	Phạm Viết	Quy	D18QTHB5	09/02/1990	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy Năm	
577	171216325	Cao Xuân	Quý	K17XCD	18/09/1993	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
578	171216324	Lê Thái	Quý	K17XCD	14/10/1993	Quảng Bình	8.1	Tám phẩy Một	
579	1826268216	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	D18KDNB	03/08/1991	Đà Nẵng	8.6	Tám phẩy Sáu	
580	1826257926	Nguyễn Thị Thanh	Quý	D18KKTB	01/12/1991	Đà Nẵng	9.8	Chín phẩy Tám	
581	1826268363	Đinh Thục	Quyên	D18KDNB	26/06/1990	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
582	1826247737	Đỗ Cao	Quyên	D18QNHB1	03/02/1989	Đắk Lắk	6.5	Sáu phẩy Năm	
583	1826217665	Hoàng Thị	Quyên	D18QTHB4	04/03/1990	Quảng Bình	4.3	Bốn phẩy Ba	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
584	1826268554	Lê Nguyễn Ngọc	Quyên	D18KDNB	17/02/1989	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
585	1826217514	Nguyễn Thị Đỗ	Quyên	D18QTHB2	10/04/1991	Quảng Nam	8	Tám	
586	1826217682	Vũ Nữ Ánh	Quyên	D18QTHB2	17/10/1990		2.6	Hai phẩy Sáu	
587	152333255	Nguyễn Cao	Quyết	K15QTH1	11/07/1990	Quảng Bình	3.3	Ba phẩy Ba	
588	171576632	Bùi Thị Như	Quỳnh	K17PSU-QCI	15/03/1993	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
589	1826217624	Đào Thị Như	Quỳnh	D18QTHB2	27/05/1990	Quảng Trị	7.8	Bảy phẩy Tám	
590	1826268235	Lê Thị Như	Quỳnh	D18KDNB	24/12/1991	Quảng Bình	9	Chín	
591	1826268229	Mai Thị Bích	Quỳnh	D18KDNB	28/11/1991	Đà Nẵng	7.6	Bảy phẩy Sáu	
592	1826217725	Nguyễn Nhật Hạ	Quỳnh	D18QTHB1	08/09/1991	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
593	1826268172	Phan Thị Cẩm	Quỳnh	D18KDNB	01/04/1991	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
594	1826217651	Thái Dương Hoa	Quỳnh	D18QTHB5	15/09/1989	Quảng Ngãi	6.1	Sáu phẩy Một	
595	171446718	Trần Cao Như	Quỳnh	K17PSU-DCD	14/12/1993	Đà Nẵng	4.8	Bốn phẩy Tám	
596	162413941	Trần Như	Quỳnh	K16KDN	25/08/1992	Quảng Bình	8.6	Tám phẩy Sáu	
597	1826258006	Trịnh Thị Ngọc	Quỳnh	D18KKTB	11/07/1990	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
598	1826268380	Nguyễn Thị Thanh	Sa	D18KDNB	20/08/1989	Gia Lai	6.8	Sáu phẩy Tám	
599	1826247753	Nguyễn Thị Yên	Sa	D18QNH1	20/05/1990	Quảng Nam	8.1	Tám phẩy Một	
600	1827217498	Phạm Chí	Sang	D18QTHB5	02/01/1989	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
601	1826268170	Tổng Trần Ngọc	Sang	D18KKTB	21/01/1990	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
602	1826268493	Phạm Thị	Sáu	D18KDNB	06/06/1991	Quảng Bình	9.8	Chín phẩy Tám	
603	1826268211	Trần Thị Kim	Sen	D18KDNB	23/07/1987	Đà Nẵng	7	Bảy	
604	1827217487	Nguyễn Tấn	Sinh	D18QTHB5	09/12/1989	Đà Nẵng	5.9	Năm phẩy Chín	
605	179522829	Trần	Sinh	D17QNH1	03/10/1988	Quảng Nam	7	Bảy	
606	1827257925	Võ Thành	Sinh	D18KKTB	19/08/1991	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
607	1827257966	Bùi Xuân	Sơn	D18KKTB	26/08/1991	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
608	151326017	Cao Duy	Sơn	K15KCD	19/10/1991	Kontum	6.5	Sáu phẩy Năm	
609	1827268327	Nguyễn Văn Long	Sơn	D18KDNB	19/05/1989	Đà Nẵng	9	Chín	
610	1827217507	Trần Thạch	Sơn	D18QTHB3	19/01/1991	Quảng Nam	8	Tám	
611	1826268561	Đoàn Thị Thu	Sương	D18KDNB	23/09/1991	Đà Nẵng	8.4	Tám phẩy Bốn	
612	1826257991	Lương Thị	Sương	D18KKTB	11/04/1991	Quảng Ngãi	8.8	Tám phẩy Tám	
613	1827217588	Ngô Quốc	Sương	D18QTHB5	17/01/1990	Đà Nẵng	8.5	Tám phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
614	1826217705	Phan Thị	Sương	D18QTHB3	14/06/1990	Nghệ An	8.8	Tám phẩy Tám	
615	1826268164	Trần Thị Thanh	Sương	D18KDNB	08/03/1991	Quảng Nam	5.6	Năm phẩy Sáu	
616	161325636	Lê Hữu	Tài	K16KCD	03/09/1992	Quảng Nam	4.8	Bốn phẩy Tám	
617	1827217706	Lê Việt	Tài	D18QTHB2	25/08/1990	Quảng Bình	6.4	Sáu phẩy Bốn	
618	1826217642	Lương Thị Cẩm	Tài	D18QTHB1	11/01/1990	Quảng Nam	7.9	Bảy phẩy Chín	
619	1826258043	Ngô Thị	Tài	D18KKTB	01/05/1990	Quảng Nam	8.3	Tám phẩy Ba	
620	1827268310	Bùi Văn	Tâm	D18KDNB	21/08/1990	Nam Định	6	Sáu	
621	1826268540	Đoàn Thị Minh	Tâm	D18KKTB	25/10/1991	Quảng Nam	9.5	Chín phẩy Năm	
622	179323882	Lê Chí	Tâm	D17KDNB	25/01/1989	Quảng Nam	7.1	Bảy phẩy Một	
623	1826247903	Lê Thị	Tâm	D18QNHB3	01/01/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
624	1826258054	Lê Thị Thanh	Tâm	D18KKTB	13/11/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
625	1826268481	Mai Thị Minh	Tâm	D18KDNB	10/11/1990	Đà Nẵng	V	Vắng	
626	1827217716	Phạm Văn	Tâm	D18QTHB3	25/05/1990	Quảng Nam	6.8	Sáu phẩy Tám	
627	151135185	Đỗ Vũ	Tân	K15TCD	05/03/1990	Quảng Nam	6	Sáu	
628	161215175	Nguyễn Quốc	Tân	K16KCD	13/08/1992	Quảng Nam	2	Hai	
629	1827217525	Trần Hoài	Tân	D18QTHB5	26/02/1991	Đắk Lắk	6.6	Sáu phẩy Sáu	
630	152413319	Hồ Ngọc	Tấn	K15DLK	05/06/1990	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
631	1827247803	Nguyễn Xuân	Tấn	D18QNHB1	16/07/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
632	171216336	Đỗ Thanh	Tây	K17XCD	20/05/1991	Quảng Nam	5.6	Năm phẩy Sáu	
633	1827268305	Trần Tuấn	Tí	D18KDNB	17/03/1990	Quảng Bình	8.3	Tám phẩy Ba	
634	1826268295	Đàm Thủy	Tiên	D18KDNB	04/05/1991	Bình Định	8.1	Tám phẩy Một	
635	1827247877	Nguyễn Thanh	Tiên	D18QNHB2	01/08/1991	Gia Lai	7.9	Bảy phẩy Chín	
636	1826247839	Nguyễn Thị Xuân	Tiên	D18QNHB3	22/11/1990	Quảng Nam	8.6	Tám phẩy Sáu	
637	1827247875	Hồ Thành	Tiến	D18QNHB3	04/03/1991	Quảng Trị	6.9	Sáu phẩy Chín	
638	1826217668	Lê Nguyễn Hoàng	Tiến	D18QTHB4	26/10/1988	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
639	1827258038	Nguyễn Văn	Tiến	D18KKTB	26/03/1989	Kon Tum	3.3	Ba phẩy Ba	
640	1827268215	Phạm Hữu	Tiến	D18KDNB	11/02/1991	Quảng Bình	5.8	Năm phẩy Tám	
641	1826217511	Nguyễn Thị	Tin	D18QTHB1	25/11/1988		7.8	Bảy phẩy Tám	
642	152333139	Nguyễn Hữu	Tín	K15QTH2	10/06/1991	Quảng Nam	6.1	Sáu phẩy Một	
643	1827217527	Trần Hồng	Tín	D18QTHB3	18/03/1988		4.8	Bốn phẩy Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
644	1826268193	Phạm Thị	Tĩnh	D18KDNB	17/10/1991	Quảng Bình	8.5	Tám phẩy Năm	
645	1827217617	Võ Quang	Tĩnh	D18QTHB2	24/06/1991	Đà Nẵng	5.6	Năm phẩy Sáu	
646	1827257950	Lê Minh	Toàn	D18KKTB	05/11/1991	Quảng Nam	8.8	Tám phẩy Tám	
647	161325725	Lương Văn Quang	Toàn	K16KCD	21/08/1992	Quảng Nam	2.2	Hai phẩy Hai	
648	1827257968	Nguyễn Ngọc	Toàn	D18KKTB	26/09/1991	Quảng Nam	9	Chín	
649	1827258017	Trần Bình	Toàn	D18KKTB	12/12/1990	Đăklăk	8.5	Tám phẩy Năm	
650	162333810	Võ Trọng	Toàn	K16QTH3	20/05/1992	Quảng Bình	2.3	Hai phẩy Ba	
651	1826268522	Hồ Thị	Tơ	D18KDNB	06/07/1991	Đà Nẵng	6.1	Sáu phẩy Một	
652	171216373	Châu Ngọc	Tú	K17XCD	15/01/1993	Bình Định	7.5	Bảy phẩy Năm	
653	1827258005	Đồng Anh	Tú	D18KKTB	13/12/1990	Nghệ An	9.1	Chín phẩy Một	
654	162354093	Nguyễn Hữu	Tú	K16QTC3	14/03/1992	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
655	161325780	Phạm Thanh	Tú	K16ECD	04/08/1992	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
656	162314754	Trần Đình Minh	Tú	K16QNH4	21/07/1991	Đà Nẵng	7.4	Bảy phẩy Bốn	
657	1827258045	Nguyễn Minh	Tuấn	D18KKTB	20/10/1991	Quảng Bình	2.1	Hai phẩy Một	
658	1827247786	Nguyễn Thanh	Tuấn	D18QNH B1	22/04/1990		8.6	Tám phẩy Sáu	
659	1827217650	Trần Thanh	Tuấn	D18QTHB5	08/08/1990	Đăk Lăk	6.9	Sáu phẩy Chín	
660	1827217652	Trịnh Ngọc	Tuấn	D18QTHB5	23/05/1990	Đà Nẵng	9.5	Chín phẩy Năm	
661	1827268096	Nguyễn Trọng	Tuệ	D18KDNB	02/08/1990	Quảng Nam	7.6	Bảy phẩy Sáu	
662	142332272	Hà	Tùng	K14QTH3	05/11/1988	Đà Nẵng	V	Vắng	
663	179313858	Hồ Khánh	Tùng	D17KKTB	20/10/1987	Quảng Bình	4.5	Bốn phẩy Năm	
664	171216381	Phạm Thanh	Tùng	K17XCD	01/08/1993	DakLak	6.5	Sáu phẩy Năm	
665	1827268165	Thái Lâm	Tùng	D18KDNB	01/01/1990	Đà Nẵng	6.9	Sáu phẩy Chín	
666	1827217575	Trương Thanh	Tùng	D18QTHB2	24/01/1991	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
667	1826268329	Đặng Thị Khánh	Tuyền	D18KDNB	21/09/1990	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
668	1826258072	Ngô Thị Ngọc	Tuyền	D18KDNB	16/03/1988	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
669	1826257986	Nguyễn Thanh	Tuyền	D18KKTB	14/04/1991	Bình Định	9.8	Chín phẩy Tám	
670	1826257985	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D18KKTB	26/03/1991	Quảng Nam	9.3	Chín phẩy Ba	
671	1826257937	Nguyễn Thị	Tư	D18KKTB	05/02/1987	Đăk Lăk	8.8	Tám phẩy Tám	
672	161326864	Nguyễn Thành	Tường	K16KCD	19/04/1992	Quảng Trị	3	Ba	
673	162354103	Trương Quốc	Tỷ	K16QTC3	01/01/1992	Quảng Bình	7	Bảy	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
674	1826217595	Nguyễn Thị Kim	Tý	D18QTHB4	17/04/1990	Đà Nẵng	V	Vắng	
675	161325642	Trần Mỹ Ngọc	Thạch	K16KCD	12/07/1992	Quảng Trị	4.7	Bốn phẩy Bảy	
676	161325644	Lê Hoàng	Thái	K16DCD	21/09/1992	Đà Nẵng	V	Vắng	
677	171216338	Nguyễn Hồng	Thái	K17XCD	20/11/1993	Gia Lai	7.3	Bảy phẩy Ba	
678	1826268316	Hoàng Thị Phương	Thanh	D18KDNB	30/10/1990	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
679	161157343	Nguyễn Kim	Thanh	K16ECD	03/06/1992	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
680	1826268122	Trần Thị Thanh	Thanh	D18KDNB	17/06/1991	Quảng Nam	9.1	Chín phẩy Một	
681	171216345	Dương Hữu	Thành	K17XCD	09/11/1993	Quảng Nam	9	Chín	
682	161215181	Đặng Công	Thành	K16XCD	27/11/1991	Đà Nẵng	0	Không	
683	1827247878	Huỳnh Lê	Thành	D18QNHB3	08/10/1991	Quảng Nam	6.8	Sáu phẩy Tám	
684	1827247756	Lê Hữu	Thành	D18QNHB2	21/04/1991		6.8	Sáu phẩy Tám	
685	171216350	Trần Trung	Thành	K17XCD	25/03/1991	Quảng Bình	8.5	Tám phẩy Năm	
686	1827257948	Vũ Danh	Thành	D18KKTb	10/09/1991	Đà Nẵng	7.3	Bảy phẩy Ba	
687	1827247876	Nguyễn Phú	Thạnh	D18QNHB3	10/03/1990		7.8	Bảy phẩy Tám	
688	1826268270	Đặng Thị	Thảo	D18KDNB	15/04/1991	Hà Tĩnh	7.8	Bảy phẩy Tám	
689	1826257916	Đặng Thị Phương	Thảo	D18KKTb	01/06/1991	Quảng Bình	8.9	Tám phẩy Chín	
690	178324890	Đoàn Thị Thạch	Thảo	T17KDNB	06/10/1985	Đà Nẵng	7.1	Bảy phẩy Một	
691	179322574	Lê Nguyên	Thảo	D17KDN	12/11/1987	Quảng Nam	9	Chín	
692	1826217580	Lê Thị Thanh	Thảo	D18QTHB5	13/03/1990	Đà Nẵng	V	Vắng	
693	1826268132	Lương Thị Minh	Thảo	D18KDNB	23/08/1982	Quảng Nam	1.6	Một phẩy Sáu	
694	161326593	Nguyễn Thị	Thảo	K16KCD	15/12/1991	Gia Lai	1.5	Một phẩy Năm	
695	171446723	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	K17PSU-DCD	08/07/1993	Đà Nẵng	5.6	Năm phẩy Sáu	
696	1826268196	Nguyễn Thị Minh	Thảo	D18KDNB	07/07/1991	Quảng Nam	5.9	Năm phẩy Chín	
697	1826258003	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D18KKTb	06/10/1991	Đà Nẵng	9	Chín	
698	1826268403	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	D18KDNB	08/06/1991	Đà Nẵng	6.3	Sáu phẩy Ba	
699	171326780	Nguyễn Thị Thu	Thảo	K17PSU-KCI	25/06/1993	Quảng Trị	6.5	Sáu phẩy Năm	
700	1826247755	Trần Hương	Thảo	D18QNHB2	17/09/1991	Đà Nẵng	7.6	Bảy phẩy Sáu	
701	1826257909	Trần Thị Thu	Thảo	D18KKTb	10/12/1991	Quảng Nam	8.1	Tám phẩy Một	
702	1826268149	Trần Võ Phương	Thảo	D18KDNB	19/08/1990	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
703	1826217497	Trịnh Sử Phương	Thảo	D18QTHB2	27/04/1990	Đà Nẵng	7.9	Bảy phẩy Chín	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
704	1826268412	Trương Sinh	Thảo	D18KDNB	12/12/1991	Đà Nẵng	8.9	Tám phẩy Chín	
705	1826217459	Vũ Thị Thanh	Thảo	D18QTHB2	01/01/1991	Đà Nẵng	8.9	Tám phẩy Chín	
706	171326778	Trần Thị Phương	Thắm	K17PSU-KCI	16/09/1993	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
707	1827217699	Bùi Xuân	Thắng	D18QTHB4	15/06/1990	Huế	4.5	Bốn phẩy Năm	
708	179523820	Lê Nho Quốc	Thắng	D17QNHB1	20/02/1990	Quảng Nam	7.6	Bảy phẩy Sáu	
709	171216342	Nguyễn	Thắng	K17XCD	25/06/1993	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
710	1827247738	Nguyễn Ngọc	Thắng	D18QNHB3	12/07/1991	Bình Định	5.1	Năm phẩy Một	
711	1827217627	Nguyễn Văn Minh	Thắng	D18QTHB3	26/04/1990	Đà Nẵng	3.2	Ba phẩy Hai	
712	1827268459	Phan Ngọc	Thắng	D18KKTB	20/05/1990	Quảng Nam	8.3	Tám phẩy Ba	
713	161446243	Phan Văn	Thắng	K16DCD	16/04/1991	Đà Nẵng	V	Vắng	
714	1827217470	Trần Nhật	Thắng	D18QTHB5	01/04/1990	Đà Nẵng	5.6	Năm phẩy Sáu	
715	152523743	Phạm Nguyễn Phước	Thắng	K16QNH1	28/02/1991	Đà Nẵng	6.9	Sáu phẩy Chín	
716	171216340	Đặng Xuân	Thân	K17XCD	05/05/1992	Nghệ An	7.5	Bảy phẩy Năm	
717	1827217590	Võ Văn	Thân	D18QTHB2	17/02/1990	Đắk Lắk	6	Sáu	
718	161325671	Huỳnh Thị Anh	Thi	K16PSU_KCI	08/01/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
719	1826268419	Huỳnh Thị Quỳnh	Thi	D18KDNB	17/08/1991	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
720	162314709	Lê Thị Lan	Thi	K16KKT	20/11/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
721	1826247793	Phạm Thị	Thiên	D18QNHB3	19/03/1991	Quảng Nam	7.1	Bảy phẩy Một	
722	161325672	Nguyễn Hữu	Thịnh	K16KCD	02/06/1991	Quảng Trị	4.1	Bốn phẩy Một	
723	1827257958	Nguyễn Minh	Thịnh	D18KKTB	10/04/1991	Quảng Nam	9.1	Chín phẩy Một	
724	1826268125	Huỳnh Thị Kim	Thoa	D18KDNB	20/08/1985	Đà Nẵng	3	Ba	
725	1826268098	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D18KDNB	07/04/1991	Quảng Trị	4.8	Bốn phẩy Tám	
726	171216354	Lê Phước	Thông	K17XCD	15/08/1993	Quảng Nam	9	Chín	
727	1827268527	Nguyễn Trung	Thông	D18KDNB	28/10/1989	Quảng Bình	8.6	Tám phẩy Sáu	
728	1826268438	Lê Anh	Thơ	D18KDNB	16/07/1990	Kon Tum	V	Vắng	
729	1826268472	Phạm Hương	Thơm	D18KDNB	08/10/1989	Quảng Bình	8	Tám	
730	1826268207	Đỗ Thị Xuân	Thu	D18KDNB	16/04/1991	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
731	1826268289	Đồng Thị Hồng	Thu	D18KDNB	09/02/1991	Đà Nẵng	7	Bảy	
732	1826268115	Lê Thị Lệ	Thu	D18KDNB	18/11/1991	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
733	171216355	Nguyễn Thị	Thu	K17XCD	14/01/1993	Nghệ An	7.8	Bảy phẩy Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
734	1826268290	Nguyễn Thị Mộng	Thu	D18KDNB	01/06/1991	Gia Lai	9.5	Chín phẩy Năm	
735	131138965	Phan Thị	Thu	K13TCD	02/07/1989	Thừa Thiên Huế	5.5	Năm phẩy Năm	
736	1826217566	Trần Thị	Thu	D18QTHB2	13/03/1991	Quảng Trị	8.3	Tám phẩy Ba	
737	1826268281	Trần Thị	Thu	D18KDNB	01/06/1989	Quảng Bình	6	Sáu	
738	1826247766	Hoàng Thị	Thuận	D18QNHB1	16/04/1990	Nghệ An	7.4	Bảy phẩy Bốn	
739	1826268126	Phạm Thị	Thuận	D18KDNB	21/12/1991	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
740	161327399	Trương Quang	Thuận	K16XCD	24/06/1992	Quảng Ngãi	6.6	Sáu phẩy Sáu	
741	152353476	Trần Văn	Thuận	K16QTC1	30/12/1991	Quảng Nam	4.3	Bốn phẩy Ba	
742	161325684	Trương Văn	Thuật	K16KCD	20/11/1991	Quảng Bình	3.3	Ba phẩy Ba	
743	1826268300	Lê Thị	Thùy	D18KDNB	21/01/1991	Quảng Nam	5.6	Năm phẩy Sáu	
744	1826247734	Đặng Thị Xuân	Thủy	D18QNHB3	27/01/1990	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
745	1826217517	Đoàn Thị Ngọc	Thủy	D18QTHB2	14/04/1989	Bình Thuận	V	Vắng	
746	1826247814	Hồ Thị Thu	Thủy	D18QNHB2	15/09/1990	Hà Tĩnh	9	Chín	
747	1826217667	Nguyễn Thị Thu	Thủy	D18QTHB5	10/08/1979	Quảng Nam	4.6	Bốn phẩy Sáu	
748	1826268272	Nguyễn Thị Thu	Thủy	D18KDNB	02/03/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
749	179323870	Phạm Thị Thu	Thủy	D17KDNB	20/10/1986	Đà Nẵng	2.6	Hai phẩy Sáu	
750	1826247751	Thái Tịnh	Thủy	D18QNHB1	10/09/1991	Quảng Nam	6.8	Sáu phẩy Tám	
751	1826268521	Trương Thị Lệ	Thủy	D18KDNB	12/07/1991	Hà Tĩnh	9.4	Chín phẩy Bốn	
752	178324959	Trương Thị Như	Thủy	T17KDNB	25/04/1983	Đà Nẵng	4.1	Bốn phẩy Một	
753	1826268117	Bùi Thị	Thúy	D18KDNB	04/02/1986	Quảng Nam	4.3	Bốn phẩy Ba	
754	1826247862	Lê Thị Bích	Thúy	D18QNHB1	02/08/1991	Đắk Lắk	6.4	Sáu phẩy Bốn	
755	1826268198	Nguyễn Thị Nh ư	Thúy	D18KDNB	11/12/1990	Quảng Nam	4.3	Bốn phẩy Ba	
756	161325697	Trần Thị	Thúy	K16KCD	08/06/1992	Quảng Bình	2	Hai	
757	1826268166	Trương Thị Diễm	Thúy	D18KDNB	19/09/1990	Quảng Nam	8.9	Tám phẩy Chín	
758	152324177	Nguyễn Việt	Thuyết	K16KDN	28/09/1991	Đà Nẵng	8	Tám	
759	1826268442	Đỗ Anh	Thư	D18KDNB	23/03/1990	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
760	1826718626	Lê Thị Anh	Thư	D18DLKB	04/07/1990	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
761	1826247768	Mai Thị Anh	Thư	D18QNHB2	30/04/1990	Quảng Nam	7.4	Bảy phẩy Bốn	
762	1826268466	Nguyễn Minh	Thư	D18KDNB	19/10/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
763	1826268425	Nguyễn Thị Anh	Thư	D18KDNB	03/04/1990	Đà Nẵng	9	Chín	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
764	1826257913	Phạm Thị Hoàng	Thư	D18KDNB	18/04/1991	Đà Nẵng	9.3	Chín phẩy Ba	
765	1826258026	Phan Thị Anh	Thư	D18KKTB	22/12/1991	Quảng Nam	6.1	Sáu phẩy Một	
766	1826217490	Phan Thị Thanh	Thư	D18QTHB1	18/07/1991	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
767	1826268286	Trịnh Thị Minh	Thư	D18KDNB	01/10/1989	Quảng Nam	8.8	Tám phẩy Tám	
768	1826268408	Võ Thị Anh	Thư	D18KDNB	09/05/1991	Quảng Trị	9.6	Chín phẩy Sáu	
769	1826257972	Nguyễn Thị	Thư	D18KKTB	06/02/1990	Quảng Nam	7.9	Bảy phẩy Chín	
770	1826268431	Lương Thị	Thương	D18KDNB	13/07/1991	Đà Nẵng	9.3	Chín phẩy Ba	
771	1826217702	Nguyễn Thị Thu	Thương	D18QTHB2	03/10/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
772	161217126	Võ	Thương	K16XCD	02/01/1992	Quảng Ngãi	7.4	Bảy phẩy Bốn	
773	161446276	Võ Thị Hoài	Thương	K16DCD	05/06/1992	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
774	162524390	Lê Văn Hoàng	Thy	K16QNH1	27/07/1992	Đà Nẵng	3.3	Ba phẩy Ba	
775	1826217567	Vũ Thị Phương	Thy	D18QTHB4	11/05/1991	Quảng Nam	2.4	Hai phẩy Bốn	
776	1826268505	Bùi Thị Thùy	Trang	D18KDNB	06/09/1988	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
777	1826268529	Cao Thị Huyền	Trang	D18KDNB	10/02/1991	Quảng Bình	5.5	Năm phẩy Năm	
778	1826217677	Cao Thị Quỳnh	Trang	D18QTHB2	14/10/1990	Bình Định	5.5	Năm phẩy Năm	
779	142412583	Đặng Thị Thảo	Trang	K15DLK	10/04/1990	Quảng Bình	6.1	Sáu phẩy Một	
780	1826257912	Đinh Lê Thị Xuân	Trang	D18KKTB	14/06/1990	Quảng Nam	9.3	Chín phẩy Ba	
781	1826247731	Đinh Thị Hiền	Trang	D18QNH B1	08/12/1991	Quảng Nam	9	Chín	
782	1826257962	Đỗ Thị Thu	Trang	D18KKTB	27/01/1991	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
783	1826268183	Hà Nữ Thu	Trang	D18KDNB	17/10/1991	Quảng Bình	9.8	Chín phẩy Tám	
784	1826268449	Hoàng Thị Huyền	Trang	D18KDNB	20/04/1990	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
785	1826217506	Hoàng Thị Kim	Trang	D18QTHB2	09/09/1991	Đà Nẵng	6	Sáu	
786	171576651	Hồ Thị Diễm	Trang	K17PSU-QCI	10/02/1993	Quảng Ngãi	5.5	Năm phẩy Năm	
787	171326787	Hồ Thị Huyền	Trang	K17PSU-KCI	04/11/1993	Kon Tum	4.1	Bốn phẩy Một	
788	179523771	Lê Thị	Trang	D17QNH B1	17/10/1989	Thanh Hóa	8	Tám	
789	1826268393	Lê Thị	Trang	D18KDNB	21/07/1989	Thanh Hóa	8.8	Tám phẩy Tám	
790	1826268409	Lê Thị Thanh	Trang	D18KDNB	07/06/1990	Quảng Nam	8	Tám	
791	1826258020	Lê Thị Xuân	Trang	D18KKTB	06/06/1989	Đà Nẵng	8.1	Tám phẩy Một	
792	1826268093	Lê Thùy	Trang	D18KDNB	12/09/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
793	1826268102	Lê Thùy	Trang	D18KDNB	14/08/1991	Quảng Nam	8.8	Tám phẩy Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
794	1826258034	Nguyễn Huyền	Trang	D18KKT B	16/03/1992	Nghệ An	7.9	Bảy phẩy Chín	
795	1826268410	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	D18KD N B	10/01/1989	Bình Định	5.8	Năm phẩy Tám	
796	1826217553	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	D18QTH B1	12/09/1990	Kon Tum	5.5	Năm phẩy Năm	
797	1826217551	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D18QTH B3	20/03/1991	Quảng Nam	4.9	Bốn phẩy Chín	
798	1826217620	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D18QTH B2	23/10/1990	Đà Nẵng	3.8	Ba phẩy Tám	
799	1826268160	Nguyễn Thị Xuân	Trang	D18KD N B	15/03/1991	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
800	171446737	Nguyễn Thuỳ Đoan	Trang	K17PSU-DCD	01/11/1993	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
801	1826718581	Nguyễn Trần Minh	Trang	D18DLKB	10/03/1991	Đà Nẵng	6.5	Sáu phẩy Năm	
802	1826268502	Phạm Thị Huyền	Trang	D18KD N B	18/01/1990	Quảng Bình	8.3	Tám phẩy Ba	
803	1826257993	Phạm Thị Thi ên	Trang	D18KKT B	04/06/1991	Quảng Nam	9.4	Chín phẩy Bốn	
804	1826268353	Phạm Thị Thu	Trang	D18KD N B	01/02/1991	Đà Nẵng	9.8	Chín phẩy Tám	
805	1826268130	Tô Thị Thu	Trang	D18KD N B	22/12/1990	Gia Lai	8.5	Tám phẩy Năm	
806	1826247813	Trần Ngọc Đoan	Trang	D18QNHB1	19/08/1991	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
807	1826268433	Trần Thị Minh	Trang	D18KD N B	27/02/1990	Quảng Ngãi	8.8	Tám phẩy Tám	
808	1826257988	Trần Thị Thi ên	Trang	D18KKT B	28/05/1991	Gia Lai	9.3	Chín phẩy Ba	
809	1826247747	Võ Thị Minh	Trang	D18QNHB1	10/10/1990	Quảng Nam	8.5	Tám phẩy Năm	
810	1826217539	Vũ Thị Huyền	Trang	D18QTH B1	14/09/1990	Đà Nẵng	5.6	Năm phẩy Sáu	
811	171446734	Hoàng Phạm Thùy	Trâm	K17PSU-DCD	11/07/1993	Đà Nẵng	5.6	Năm phẩy Sáu	
812	1826718582	Huỳnh Thị Minh	Trâm	D18DLKB	05/07/1990	Quảng Nam	5.8	Năm phẩy Tám	
813	1826268325	Lê Thị Ngọc	Trâm	D18KD N B	05/01/1991	Quảng Nam	9	Chín	
814	1826268539	Nguy Thị Bích	Trâm	D18KD N B	16/09/1990	Quảng Nam	6	Sáu	
815	1826268253	Nguyễn Thị	Trâm	D18KD N B	20/11/1991	Đà Nẵng	V	Vắng	
816	1826257938	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D18KKT B	14/03/1991	Đà Nẵng	9.3	Chín phẩy Ba	
817	1826268532	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	D18KD N B	13/09/1991	Quảng Nam	7	Bảy	
818	1826268137	Phạm Thị Ngọc	Trâm	D18KD N B	09/08/1989	Đà Nẵng	9.5	Chín phẩy Năm	
819	1826257994	Trần Thị	Trâm	D18KKT B	07/08/1989	Quảng Bình	5.6	Năm phẩy Sáu	
820	1826247774	Vương Thùy	Trâm	D18QNHB3	03/05/1991	Đà Nẵng	6.8	Sáu phẩy Tám	
821	161215196	Huỳnh Duy	Trí	K16XCD	20/02/1991	Bình Định	5.9	Năm phẩy Chín	
822	179333631	Nguyễn Lương	Trí	D17QTH B1	01/02/1990	Đà Nẵng	4.5	Bốn phẩy Năm	
823	152333155	Vũ Ngọc Minh	Trí	K16QTM1	03/10/1991	Đà Nẵng	V	Vắng	
824	1826258052	Phạm Thị	Triêm	D18KKT B	25/07/1990	Quảng Ngãi	8.8	Tám phẩy Tám	
825	1826258061	Văn Thị	Triều	D18KKT B	20/11/1990	Bình Định	9.3	Chín phẩy Ba	
826	171576653	Nguyễn Hữu	Triệu	K17PSU-QCI	21/06/1993	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
827	1826718602	Bùi Thị Kiều	Trinh	D18DLKB	05/01/1991	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
828	1826257983	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	D18KKTB	05/07/1991	Quảng Nam	9	Chín	
829	1826268324	Nguyễn Phạm Duy Trinh	D18KDNB	19/07/1991	Đà Nẵng	6.4	Sáu phẩy Bốn	
830	1826258028	Thái Thị Phương Trinh	D18KKTB	08/09/1991	Đà Nẵng	9.4	Chín phẩy Bốn	
831	1827258009	Phạm Như Trình	D18KKTB	09/03/1990	Quảng Bình	9	Chín	
832	1827268503	Nguyễn Trọng	D18KDNB	01/07/1991	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
833	161325772	Nguyễn Văn Trọng	K16KCD	02/04/1992	Quảng Bình	7.8	Bảy phẩy Tám	
834	1826268448	Đỗ Thị Thanh Trúc	D18KDNB	14/03/1991	Kon Tum	9	Chín	
835	171216367	Mai Thế Trung	K17XCD	28/05/1993	Thanh Hóa	7.5	Bảy phẩy Năm	
836	179322635	Nguyễn Đình Trung	D17KDN	01/08/1987	Quảng Nam	8.4	Tám phẩy Bốn	
837	171216366	Nguyễn Hữu Trung	K17XCD	27/10/1993	Quảng Trị	7.5	Bảy phẩy Năm	
838	1827268484	Nguyễn Tri Trung	D18KDNB	13/08/1990	Đà Nẵng	9.5	Chín phẩy Năm	
839	161215198	Phạm Trần Xuân Trung	K16XCD	29/05/1992	Quảng Nam	6.3	Sáu phẩy Ba	
840	179333639	Thái Thành Trung	D17QTHB1	02/01/1990	Quảng Ngãi	V	Vắng	
841	1827268127	Nguyễn Công Trường	D18KDNB	20/11/1990	Quảng Nam	7.5	Bảy phẩy Năm	
842	1826268500	Lê Thị Út	D18KDNB	25/12/1987	Thanh Hóa	8.4	Tám phẩy Bốn	
843	1826268346	Hồ Thị Uyên	D18KDNB	12/10/1988	Quảng Trị	9.1	Chín phẩy Một	
844	162413961	Huỳnh Phương Uyên	K16DLK	29/10/1992	Quảng Nam	8	Tám	
845	161325799	Lê Đoàn Thục Uyên	K16PSU_KCI	04/01/1992	Đà Nẵng	5.6	Năm phẩy Sáu	
846	1826268368	Nguyễn Ngọc Thảo Uyên	D18KDNB	08/07/1990	Đà Nẵng	9	Chín	
847	1826268307	Nguyễn Thảo Uyên	D18KDNB	09/08/1990	Quảng Nam	7	Bảy	
848	1826718583	Trần Thị Thảo Uyên	D18DLKB	11/12/1991	Đà Nẵng	7.4	Bảy phẩy Bốn	
849	1826217541	Đỗ Hạ Vân	D18QTHB2	25/08/1990	Đà Nẵng	5.6	Năm phẩy Sáu	
850	1826268241	Hồ Thị Khánh Vân	D18KDNB	26/08/1991	Quảng Trị	9	Chín	
851	1826268210	Huỳnh Thị Thúy Vân	D18KDNB	11/03/1990	Đà Nẵng	7.8	Bảy phẩy Tám	
852	1826217681	Lê Thị Bích Vân	D18QTHB5	03/04/1990	Đà Nẵng	5.5	Năm phẩy Năm	
853	1826217481	Lê Thị Khánh Vân	D18QTHB5	10/10/1990		5.5	Năm phẩy Năm	
854	178322674	Lê Thị Thanh Vân	T17KDN	30/07/1989	Đà Nẵng	8.3	Tám phẩy Ba	
855	1826217608	Nguyễn Lê Hạnh Vân	D18QTHB5	10/04/1991	Quảng Nam	3.4	Ba phẩy Bốn	
856	1826258027	Nguyễn Thị Ngọc Vân	D18KDNB	24/10/1991	Bình Định	5.5	Năm phẩy Năm	
857	179414780	Phan Thị Hồng Vân	D17DLKB	12/10/1989	Quảng Bình	6.1	Sáu phẩy Một	
858	1826268152	Lê Thị Tường Vi	D18KDNB	25/04/1990	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
859	1826257949	Lê Trần Hạ Vi	D18KKTB	01/08/1990	Quảng Nam	8.9	Tám phẩy Chín	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
860	142412595	NGUYỄN THỊ HOÀI VI	K14DLK	29/01/1990	Đà Nẵng	5.8	Năm phẩy Tám	
861	1826217628	Trương Thị Vi	D18QTHB3	14/10/1991	Quảng Nam	6.5	Sáu phẩy Năm	
862	1826268338	Văn Thị Tường Vi	D18KDNB	07/03/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
863	161325815	Đinh Ngọc Viên	K16KCD	15/07/1991	Quảng Nam	4.2	Bốn phẩy Hai	
864	1826268565	Lê Thị Thảo Viên	D18KDNB	01/04/1991	Gia Lai	7	Bảy	
865	1826268309	Lê Thị Thục Viên	D18KDNB	01/02/1990	Quảng Nam	9.8	Chín phẩy Tám	
866	1827217582	Bùi Phước Việt	D18QTHB1	06/05/1991	Quảng Nam	7.1	Bảy phẩy Một	
867	161157251	Huỳnh Tiến Việt	K16ECD	16/06/1992	Quảng Nam	6.6	Sáu phẩy Sáu	
868	1827247861	Lê Vũ Bảo Việt	D18QNHB2	22/04/1988	Gia Lai	7.4	Bảy phẩy Bốn	
869	1827247828	Đặng Cao Vinh	D18QNHB3	14/07/1990	Huế	9	Chín	
870	1827217568	Nguy Hoàng Trường Vinh	D18QTHB4	30/01/1990	Đà Nẵng	8.1	Tám phẩy Một	
871	1827217532	Nguyễn Vinh	D18QTHB2	18/04/1991	Quảng Nam	5.5	Năm phẩy Năm	
872	171216386	Nguyễn Vinh	K17XCD	02/04/1993	Quảng Nam	9	Chín	
873	171326742	Nguyễn Quang Vinh	K17PSU-KCI	19/07/1993	Quảng Nam	4.4	Bốn phẩy Bốn	
874	1827217664	Nguyễn Quang Vĩnh	D18QTHB4	05/10/1990	Quảng Nam	3.4	Ba phẩy Bốn	
875	179523781	Nguyễn Xuân Vĩnh	D17QNHB1	30/11/1988	Hà Tĩnh	8	Tám	
876	1826247752	Nguyễn Ngân Vĩnh	D18QNHB2	02/06/1991	Đà Nẵng	9	Chín	
877	161446327	Đinh Trần Mạnh Vũ	K16KCD	14/09/1992	Đà Nẵng	3.3	Ba phẩy Ba	
878	1827258036	Hoàng Thanh Vũ	D18KKTB	12/01/1991	Quảng Trị	7	Bảy	
879	162524448	Lê Vương Vũ	K16QNH4	15/12/1992	Đà Nẵng	8	Tám	
880	1827268424	Nguyễn Hoàng Vũ	D18KDNB	10/04/1990	Quảng Ngãi	7.5	Bảy phẩy Năm	
881	1827268526	Nguyễn Tuấn Vũ	D18KDNB	20/02/1990	Quảng Bình	5.8	Năm phẩy Tám	
882	171446739	Phạm Đình Hoàng Vũ	K17PSU-DCD	17/03/1993	Đà Nẵng	4.3	Bốn phẩy Ba	
883	1826268514	Ngô Thị Vui	D18KDNB	06/03/1990	Đà Nẵng	9.3	Chín phẩy Ba	
884	179414757	Trương Thị Vui	D17DLKB			7.1	Bảy phẩy Một	
885	1826258065	Nguyễn Thị Hồng Vuông	D18KKTB	24/04/1991	Bình Định	8.5	Tám phẩy Năm	
886	1826258018	Cao Tường Vy	D18KKTB	28/02/1990	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy Tám	
887	1826217709	Nguyễn Vũ Đan Vy	D18QTHB3	08/08/1990	Quảng Nam	5.6	Năm phẩy Sáu	
888	1826258021	Phạm Thúy Vy	D18KKTB	10/11/1991	Đăklăk	8.4	Tám phẩy Bốn	
889	1826217472	Trương Thị Thùy Vy	D18QTHB2	09/04/1990	Đà Nẵng	6	Sáu	
890	1827217482	Phạm Minh Xiêm	D18QTHB5	06/07/1990	Quảng Nam	1.5	Một phẩy Năm	

Giờ thi : 13h00 Ngày thi : 19/12/2014

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LÃI P	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
							SỐ	CHỮ	
891	1826268335	Hà Thị Xuân		D18KDNB	11/02/1990	Quảng Nam	7.8	Bảy phẩy Tám	
892	1827247823	Kpă Y Xuân		D18QNHB3	25/05/1990	Đăk Lăk	6	Sáu	
893	1826268277	Ngô Võ Thúy Xuân		D18KDNB	08/08/1991	Đà Nẵng	9	Chín	
894	1826268399	Nguyễn Thị Thùy Xuân		D18KDNB	04/04/1991	Quảng Trị	8.8	Tám phẩy Tám	
895	1826268336	Võ Thị Xuân		D18KDNB	11/09/1991	Quảng Nam	7.3	Bảy phẩy Ba	
896	1826217502	Võ Thị Đồng Xuân		D18QTHB2	18/02/1991	Đà Nẵng	5.6	Năm phẩy Sáu	
897	1827217499	Vương Anh Xuân		D18QTHB1	09/01/1991	Đà Nẵng	7.1	Bảy phẩy Một	
898	1827268141	Bùi Vũ Ý		D18KDNB	15/12/1989	Quảng Nam	8	Tám	
899	1826247745	Bạch Yến		D18QNHB1	07/09/1988	Kon Tum	8.3	Tám phẩy Ba	
900	179414760	Hoàng Thị Ngọc Yến		D17DLKB	23/06/1990	Quảng Nam	3.5	Ba phẩy Năm	
901	1826247841	Lê Thị Hải Yến		D18QNHB1	10/06/1990	Quảng Trị	6.3	Sáu phẩy Ba	
902	169332581	Nguyễn Thị Yến		D16QTHB1	22/02/1986	Thanh Hóa	V	Văng	
903	1826718600	Nguyễn Thị Hồng Yến		D18DLKB	09/02/1991	Quảng Ngãi	5.5	Năm phẩy Năm	
904	1826268334	Phạm Thị Yến		D18KDNB	27/02/1990	Gia Lai	9.8	Chín phẩy Tám	
905	1826258035	Trương Thị Hải Yến		D18KKTB	11/02/1990	Hà Tĩnh	8.9	Tám phẩy Chín	